

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



ĐỒ ÁN CƠ SỞ

**PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG WEBSITE
CỦA HÀNG THỜI TRANG NAM**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. ĐỖ HOÀNG NAM

Sinh viên thực hiện : NGUYỄN THÀNH TÂM

MSSV : 2200000922

Chuyên ngành : Kỹ thuật phần mềm

Môn học : Đồ án cơ sở

Khóa : 2022

Tp.HCM, tháng 9 năm 2024

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
Khoa Công Nghệ Thông Tin
❧ ❧ ❧ ❧

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
❧ ❧ ❧ ❧

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN CƠ SỞ

Họ và tên: **NGUYỄN THÀNH TÂM**.....MSSV: **2200000922**

Chuyên ngành: **Kỹ thuật phần mềm**Lớp: **22DKTPM1D**.....

Tên đề tài: **Phân tích và thiết kế hệ thống Website cửa hàng thời trang nam**

Giáo viên hướng dẫn: **Đỗ Hoàng Nam**

Thời gian thực hiện: **18/06/2024 đến 25/09/2024**

Nhiệm vụ/nội dung (mô tả chi tiết nội dung, yêu cầu, phương pháp...) :

- **Xác định, phân tích và thu thập yêu cầu người dùng**
- **Thiết kế giao diện người dùng**
- **Thiết kế và phát triển cơ sở dữ liệu**
- **Phát triển và tích hợp các chức năng**
- **Triển khai hệ thống.**

Nội dung và yêu cầu đã được thông qua Bộ môn.

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TP.HCM, ngày tháng năm
GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đồ án này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến:

Giảng viên hướng dẫn - thầy Đỗ Hoàng Nam, chính thầy là người đã tận tình dạy dỗ và truyền đạt những kiến thức quý báu cho chúng em trong suốt học kỳ vừa qua. Trong thời gian tham dự lớp học của thầy, chúng em đã được tiếp cận với nhiều kiến thức bổ ích và rất cần thiết cho quá trình học tập và làm việc sau này của chúng em.

Em xin cảm ơn đến các quý thầy/cô Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành vì đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng em học tập và hoàn thành đề tài này.

Do chưa có nhiều kinh nghiệm làm đề tài cũng như những hạn chế về kiến thức, trong bài đồ án của chúng em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng em rất mong nhận được sự nhận xét, ý kiến đóng góp, phê bình từ phía thầy/cô để bài đồ án của chúng em được hoàn thiện hơn.

Lời cuối cùng, Em xin kính chúc thầy/cô thật nhiều sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại công nghệ hiện nay, thương mại điện tử ngày càng phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam, nó đã dần khẳng định mình đạt được vị thế quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Sự ra đời của các ngôn ngữ lập trình tiên tiến cùng với sự phát triển này cho phép thiết kế và xây dựng các hệ thống ứng dụng thương mại điện tử. Một trong những dịch vụ phổ biến nhất tại nước ta là bán hàng trực tuyến, người dùng có thể tìm kiếm, lựa chọn sản phẩm và thực hiện giao dịch mà không cần phải đến cửa hàng, chỉ cần có thiết bị kết nối Internet.

Hiểu được những yêu cầu và thách thức phát triển các hệ thống trong thương mại điện tử, cũng như mong muốn mang lại lợi ích của công nghệ này đến cho nhiều người hơn, từ vốn kiến thức tích lũy trong quá trình học tập cùng với sự tham khảo tài liệu từ các trang Web uy tín và sự hướng dẫn tận tình của thầy Đỗ Hoàng Nam, em đã quyết định chọn đề tài "Phân tích và Thiết kế Hệ thống Website Thương mại Điện tử cho Cửa hàng Thời trang Nam."

Với mục tiêu là xây dựng một hệ thống bán hàng cửa hàng thời trang nam trực tuyến, dễ sử dụng và thân thiện với người dùng, cùng với đó mang lại cho khách hàng những sự lựa chọn tối ưu, hệ thống này sẽ cho phép người dùng thực hiện các thao tác mua sắm trực tuyến một cách đơn giản và hiệu quả. Sản phẩm chính trên trang Web này là các sản phẩm thời trang nam với xu hướng trẻ trung, hiện đại theo phong cách của Hàn Quốc.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
TRUNG TÂM KHẢO THÍ

KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ III NĂM HỌC 2023 - 2024

PHIẾU CHẤM THI TIỂU LUẬN/BÁO CÁO

Môn thi: Đồ án cơ sở

Mã lớp học phần:

Sinh viên thực hiện: NGUYỄN THÀNH TÂM

Ngày thi:

Phòng thi:.....

Đề tài tiểu luận/báo cáo của sinh viên:

Phản đánh giá của giảng viên (căn cứ trên thang rubrics của môn học):

| Tiêu chí (theo CDR HP) | Đánh giá của GV | Điểm tối đa | Điểm đạt được |
|---------------------------|-----------------|-------------|---------------|
| Cấu trúc của báo cáo | | 2 | |
| Nội dung | | | |
| - Các nội dung thành phần | | 2 | |
| - Lập luận | | 2 | |
| - Kết luận | | 1 | |
| - Trình bày | | 3 | |
| TỔNG ĐIỂM | | 10 | |

Giảng viên chấm thi
(ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Đỗ Hoàng Nam

MỤC LỤC

| | |
|--|------|
| LỜI CẢM ƠN..... | ii |
| LỜI MỞ ĐẦU | iii |
| DANH SÁCH HÌNH | viii |
| CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI..... | 1 |
| 1.1. Khảo sát hiện trạng | 1 |
| 1.2. Lý do chọn đề tài | 1 |
| 1.3. Mục tiêu của đề tài | 1 |
| CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT..... | 2 |
| 2.1. Giới thiệu ASP.NET MVC 5..... | 2 |
| 2.2. Công cụ hỗ trợ và môi trường phát triển | 5 |
| CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG | 10 |
| 3.1. Phân tích và thiết kế hệ thống..... | 10 |
| 3.1.1. Các tác nhân của hệ thống | 10 |
| 3.1.2. Các chức năng của hệ thống | 11 |
| 3.1.3. Biểu đồ Use Case (Use Case Diagram)..... | 12 |
| 3.1.3.1. Use Case chính | 12 |
| 3.1.3.2. Use Case đăng nhập..... | 12 |
| 3.1.3.3. Use Case đăng kí | 13 |
| 3.1.3.4. Use Case tìm kiếm..... | 14 |
| 3.1.3.5. Use Case đánh giá, bình luận | 15 |
| 3.1.3.6. Use Case thêm vào giỏ hàng và đặt hàng..... | 16 |
| 3.1.3.7. Use Case thanh toán | 17 |

| | |
|---|----|
| 3.1.3.8. Use Case quản lý sản phẩm | 18 |
| 3.1.3.9. Use Case quản lý thành viên | 20 |
| 3.1.4. Class Diagram | 21 |
| 3.1.5. Biểu đồ tuần tự (Sequence Diagram) | 22 |
| 3.1.5.1. Sequence Diagram Đăng nhập | 22 |
| 3.1.5.2. Sequence Diagram Đăng kí thành viên | 22 |
| 3.1.5.3. Sequence Diagram Đặt hàng | 23 |
| 3.1.5.4. Sequence Diagram Quản lý sản phẩm..... | 23 |
| 3.1.5.5. Sequence Diagram Quản lý đơn hàng | 24 |
| 3.1.6. Biểu đồ hoạt động (Activity Diagram) | 24 |
| 3.1.6.1. Activity Diagram Tìm kiếm sản phẩm | 24 |
| 3.1.6.2. Activity Diagram Đặt hàng và thanh toán..... | 25 |
| 3.1.6.3. Activity Diagram Đăng nhập | 26 |
| 3.1.6.4. Activity Diagram Thêm sản phẩm | 26 |
| 3.1.6.5. Activity Diagram Sửa sản phẩm..... | 27 |
| 3.1.6.6. Activity Diagram Xóa sản phẩm | 27 |
| 3.1.7. Biểu đồ triển khai (Deployment Diagram) | 28 |
| 3.2. Thiết kế dữ liệu..... | 29 |
| 3.2.1. Lược đồ cơ sở dữ liệu (Database Diagram) | 29 |
| 3.2.2. Chi tiết các bảng cơ sở dữ liệu | 30 |
| 3.2.2.1. SanPham (Sản Phẩm) | 30 |
| 3.2.2.2. LoaiSP (Loại sản phẩm) | 31 |
| 3.2.2.3. DonHang (Đơn hàng) | 32 |
| 3.2.2.4. ChiTietDH (Chi tiết đơn hàng)..... | 33 |

| | |
|--|----|
| 3.2.2.5. BaiViet (Bài viết) | 33 |
| 3.2.2.6. TaiKhoan (Tài khoản) | 34 |
| 3.2.2.7. KhachHang (Khách hàng) | 35 |
| CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ DỰ ÁN | 36 |
| 4.1. Quản lý dự án | 36 |
| 4.1.1. Mục tiêu dự án | 36 |
| 4.1.2. Phạm vi dự án | 36 |
| 4.1.3. Thiết kế hệ thống | 36 |
| 4.1.4. Lập kế hoạch và triển khai | 37 |
| 4.2. Thiết kế giao diện | 38 |
| 4.2.1. Thiết kế giao diện và chức năng các trang website | 38 |
| 4.2.2. Thiết kế giao diện và chức năng trang quản trị | 43 |
| KẾT LUẬN | 45 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 46 |
| PHỤ LỤC CODE | 47 |

DANH SÁCH HÌNH

| | |
|---|----|
| Hình 2.1: ASP.NET.MVC 5..... | 2 |
| Hình 2.2: Mô hình MVC | 4 |
| Hình 2.3: HTML, CSS, JavaScript..... | 5 |
| Hình 2.4: Bootstrap..... | 6 |
| Hình 2.5: C# | 7 |
| Hình 2.6: Visual Studio 2019 | 7 |
| Hình 2.7: Visual Studio Code..... | 8 |
| Hình 2.8: Microsoft SQL Server | 8 |
| Hình 2.9: Google Chrome | 9 |
| Hình 3.1: Use Case Diagram chính | 12 |
| Hình 3.2: Use Case Diagram đăng nhập | 12 |
| Hình 3.3: Use Case Diagram đăng kí | 13 |
| Hình 3.4: Use Case Diagram tìm kiếm..... | 14 |
| Hình 3.5: Use Case Diagram đánh giá, bình luận | 15 |
| Hình 3.6: Use Case Diagram thêm vào giỏ hàng và đặt hàng..... | 16 |
| Hình 3.7: Use Case Diagram thanh toán | 17 |
| Hình 3.8: Use Case Diagram quản lý sản phẩm..... | 18 |
| Hình 3.9: Use Case Diagram quản lý thành viên | 20 |
| Hình 3.10: Class Diagram | 21 |
| Hình 3.11: Sequence Diagram đăng nhập | 22 |
| Hình 3.12: Sequence Diagram đăng kí thành viên..... | 22 |
| Hình 3.13: Sequence Diagram đặt hàng | 23 |

| | |
|---|----|
| Hình 3.14: Sequence Diagram quản lý sản phẩm | 23 |
| Hình 3.15: Sequence Diagram quản lý đơn hàng | 24 |
| Hình 3.16: Activity Diagram tìm kiếm sản phẩm | 24 |
| Hình 3.17: Activity đặt hàng và thanh toán..... | 25 |
| Hình 3.18: Activity Diagram đăng nhập | 26 |
| Hình 3.19: Activity Diagram thêm sản phẩm..... | 26 |
| Hình 3.20: Activity Diagram sửa sản phẩm | 27 |
| Hình 3.21: Activity Diagram xóa sản phẩm..... | 27 |
| Hình 3.22: Deployment Diagram | 28 |
| Hình 3.23: Database Diagram | 29 |
| Hình 3.24: Database Diagram User..... | 30 |
| Hình 4.1: Giao diện trang chủ (1)..... | 38 |
| Hình 4.2: Giao diện trang chủ (2)..... | 38 |
| Hình 4.3: Giao diện trang chủ (3)..... | 39 |
| Hình 4.4: Giao diện trang chủ (4)..... | 39 |
| Hình 4.5: Giao diện thể hiện đăng nhập và đăng ký | 40 |
| Hình 4.6: Giao diện các danh mục sản phẩm | 40 |
| Hình 4.7: Giao diện xem chi tiết sản phẩm | 41 |
| Hình 4.8: Giao diện giới thiệu | 41 |
| Hình 4.9: Giao diện giỏ hàng | 42 |
| Hình 4.10: Giao diện thanh toán..... | 42 |
| Hình 4.11: Giao diện thể hiện trang đăng bài viết mới | 43 |
| Hình 4.12: Giao diện thể hiện danh sách đơn hàng..... | 43 |
| Hình 4.13: Giao diện thể hiện danh sách khách hàng | 44 |

| | |
|--|----|
| Hình 4.14: Giao diện thể hiện danh sách sản phẩm mới | 44 |
|--|----|

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI

1.1. Khảo sát hiện trạng

Hiện nay, với sự phát triển của sàn thương mại điện tử đã mang lại nhiều thay đổi tích cực trong cách người dùng mua sắm và các doanh nghiệp tiếp cận thị trường. Tại Việt Nam, các nền tảng thương mại điện tử ngày càng phổ biến, từ những sàn giao dịch lớn như Shopee, Lazada, Tiki đến các trang Web bán hàng chuyên biệt của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn có nhiều cửa hàng vừa và nhỏ còn gặp khó khăn trong việc xây dựng và phát triển một hệ thống Website thương mại điện tử hiệu quả, dễ sử dụng và mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc phân tích và thiết kế hệ thống Website thương mại điện tử chuyên nghiệp, phù hợp với nhu cầu và xu hướng thị trường.

1.2. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số hóa, việc xây dựng một hệ thống Website thương mại điện tử không chỉ hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng thị trường mà còn tạo giúp cho người dùng dễ dàng tiếp cận sản phẩm một cách nhanh chóng và tiện lợi. Em đã chọn đề tài "Phân tích và Thiết kế Hệ thống Website Thương mại Điện tử cho Cửa hàng Thời trang Nam" với mong muốn góp phần cải thiện chất lượng cho các hệ thống thương mại điện tử đang hoạt động. Đề tài này không chỉ là cơ hội để em được áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế mà còn nhằm mục tiêu phát triển một mô hình bán hàng trực tuyến hiện đại, phù hợp đại đa số giới trẻ hiện nay.

1.3. Mục tiêu của đề tài

Mục tiêu của đề tài là xây dựng một hệ thống Website thương mại điện tử chuyên nghiệp cho cửa hàng thời trang nam, với các mục tiêu cụ thể như sau:

- Phân tích nhu cầu và hành vi mua sắm của khách hàng, đặc biệt là đối tượng giới trẻ.

- Thiết kế giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX) thân thiện, dễ sử dụng.
- Xây dựng hệ thống quản lý sản phẩm, giỏ hàng, thanh toán trực tuyến và quản lý đơn hàng hiệu quả.
- Tích hợp các tính năng hỗ trợ bán hàng như tìm kiếm, gợi ý và đánh giá từ khách hàng.
- Đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, bảo mật và có khả năng mở rộng trong tương lai.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Giới thiệu ASP.NET MVC 5

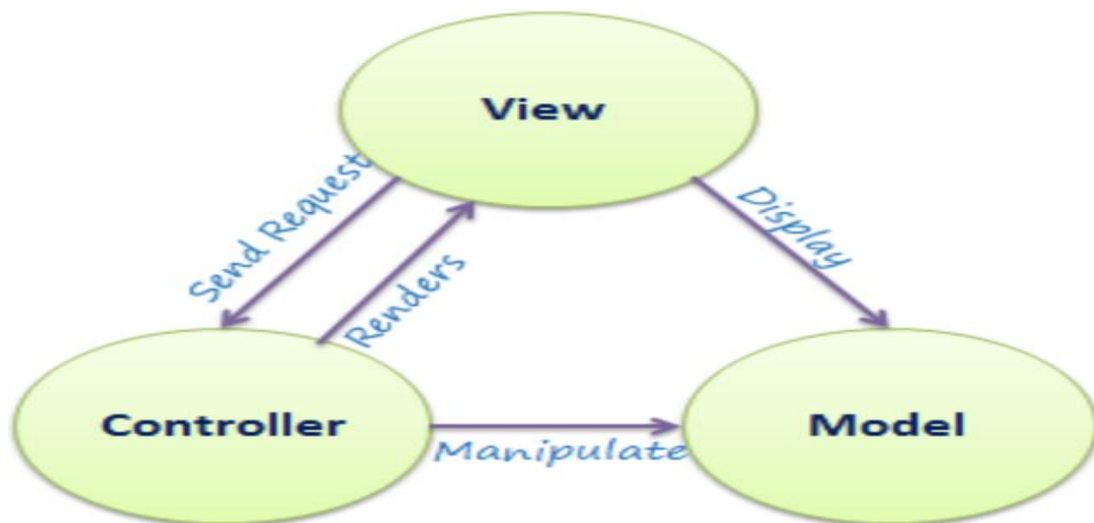


Hình 2.1: ASP.NET.MVC 5

ASP.NET MVC 5 là một nền tảng ứng dụng web do Microsoft phát triển, cho phép các lập trình viên tạo ra các trang website động, ứng dụng Web và dịch vụ Web. Đây là một công nghệ tiên tiến, phù hợp cho việc phát triển các ứng dụng mạng hiện nay và trong tương lai.

- Ưu điểm của ASP.NET MVC 5:
 - Lập trình đơn giản với ngôn ngữ C# và VB.NET
 - Ứng dụng tạo ra chạy ổn định trên Windows Dễ quản lý và nâng cấp
 - Đáp ứng đa thiết bị
 - An toàn
 - Tích hợp dễ dàng với các công nghệ và dịch vụ khác, nhờ vào hệ sinh thái mở của Microsoft.
- Đặc điểm của ASP.NET MVC 5:
 - Tách bạch MVC: Mô hình MVC giúp phân chia ứng dụng thành 3 phần chính Model, View và Controller, giúp quản lý dễ dàng hơn.
 - Sát với giao thức web: Khác với ASP.NET Web Forms, ASP.NET MVC không dựa trên hướng sự kiện mà tương tác trực tiếp với các giao thức web.
 - Không duy trì thông tin trạng thái: Giảm thiểu gánh nặng lưu trữ thông tin trạng thái của phiên làm việc, giúp tăng hiệu năng.
 - Tự động nhận diện thiết bị: Ứng dụng tự động lựa chọn và hiển thị giao diện (View) phù hợp với từng loại thiết bị truy cập.
 - Razor: Cung cấp công cụ mạnh mẽ để sinh giao diện một cách hiệu quả.
 - Dữ liệu động: Sử dụng các đối tượng ViewBag/ViewData để truyền dữ liệu động giữa Controller và View.
 - Cải thiện Ajax: Kết hợp giữa JQuery và các Helper Ajax để hỗ trợ tương tác không đồng bộ hiệu quả.
 - Kiểm lỗi: Cung cấp cơ chế kiểm lỗi áp dụng đồng thời cho cả phía máy khách và máy chủ, giúp tăng tính chính xác và giảm thiểu lỗi.
 - Web API: Thư viện mạnh mẽ hỗ trợ phát triển các dịch vụ web, phù hợp với nhiều loại thiết bị và nền tảng khác nhau.

- Action Filter: Kiểm soát các Action trong Controller, giúp tùy biến và mở rộng tính năng ứng dụng dễ dàng.
- Dễ test: Hỗ trợ kiểm thử các Action của Controller một cách hiệu quả, giúp đảm bảo chất lượng ứng dụng.
- NuGet: Công cụ quản lý các gói mở rộng, giúp dễ dàng cài đặt và quản lý các thư viện bên ngoài.
- MVC (Model-View-Controller) là gì?
 - Model: Đại diện cho dữ liệu của ứng dụng. Nó quản lý và lưu trữ trạng thái của dữ liệu, thường là trong cơ sở dữ liệu.
 - View: Là phân giao diện người dùng. View hiển thị dữ liệu từ Model và cho phép người dùng tương tác, thay đổi dữ liệu.
 - Controller: Xử lý các yêu cầu từ người dùng. Khi người dùng tương tác với View, các yêu cầu này được gửi đến Controller, sau đó Controller xử lý và trả về View thích hợp cùng với dữ liệu từ Model.



Hình 2.2: Mô hình MVC

- Lợi ích của ASP.NET MVC:
 - Quản lý dễ dàng: Giúp quản lý sự phức tạp của ứng dụng bằng cách phân chia thành 3 phần: Model, View, và Controller.
 - Không dùng Viewstate hoặc Server-based form: Tốt cho những lập trình viên muốn kiểm soát hoàn toàn các khía cạnh của ứng dụng.
 - Front Controller: Quản lý các yêu cầu thông qua một Controller duy nhất, giúp thiết kế một hệ thống quản lý định tuyến linh hoạt.
 - Hỗ trợ phát triển theo TDD: ASP.NET MVC hỗ trợ tốt cho mô hình phát triển ứng dụng hướng kiểm thử (Test-Driven Development).
 - Phù hợp với các đội ngũ phát triển lớn: Đặc biệt hữu ích cho các dự án có nhiều lập trình viên và nhà thiết kế, cho phép quản lý tốt hơn các tính năng của ứng dụng.

2.2. Công cụ hỗ trợ và môi trường phát triển

- HTML, CSS, JavaScript:



Hình 2.3: HTML, CSS, JavaScript

- HTML (HyperText Markup Language): Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, dùng để xây dựng cấu trúc và nội dung của trang web. HTML là nền tảng cơ bản của mọi trang web, cung cấp các phần tử để tạo ra văn bản, hình ảnh, liên kết, và các yếu tố khác trên trang.
 - CSS (Cascading Style Sheets): Ngôn ngữ dùng để mô tả giao diện của trang web, bao gồm bố cục, màu sắc, phông chữ và các yếu tố khác. CSS giúp tạo ra các trang web đẹp mắt và đồng nhất về mặt thị giác.
 - JavaScript: Ngôn ngữ lập trình phía client, giúp tạo ra các tương tác động trên trang web như xử lý sự kiện, điều hướng, kiểm tra dữ liệu đầu vào, và nhiều tính năng tương tác khác. JavaScript làm cho trang web trở nên linh hoạt và tương tác hơn.
- Bootstrap:



Hình 2.4: Bootstrap

Một framework CSS phổ biến, giúp dễ dàng thiết kế giao diện người dùng hiện đại và responsive (tương thích với nhiều loại thiết bị). Bootstrap cung cấp các thành phần UI sẵn có như button, form, navbar, và nhiều yếu tố khác, giúp tiết kiệm thời gian phát triển và đảm bảo tính thẩm mỹ.

- C#:



Hình 2.5: C#

Một ngôn ngữ lập trình mạnh mẽ, được sử dụng phổ biến trong việc phát triển các ứng dụng trên nền tảng .NET. C# hỗ trợ lập trình hướng đối tượng và tích hợp chặt chẽ với ASP.NET MVC, giúp tạo ra các ứng dụng web động và bảo mật cao.

- **Visual Studio 2019:**



Hình 2.6: Visual Studio 2019

Là một IDE (Integrated Development Environment) mạnh mẽ do Microsoft phát triển, hỗ trợ đầy đủ các công cụ cần thiết để phát triển ứng dụng ASP.NET MVC, từ lập trình, thiết kế giao diện đến kiểm thử và triển khai.

- Visual Studio Code:



Hình 2.7: Visual Studio Code

Một trình soạn thảo mã nguồn mở, đa nền tảng, phát triển bởi Microsoft. Visual Studio Code hỗ trợ rất tốt cho việc phát triển web với các ngôn ngữ như HTML, CSS, JavaScript, và nhiều ngôn ngữ khác. Nó cung cấp nhiều tiện ích mở rộng (extensions) giúp tăng cường khả năng lập trình, như hỗ trợ kiểm tra lỗi, tích hợp Git, và tự động hoàn thành mã.

- Microsoft SQL Server:



Hình 2.8: Microsoft SQL Server

Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quan hệ (RDBMS) của Microsoft, cung cấp nền tảng mạnh mẽ và bảo mật cho việc lưu trữ và truy xuất dữ liệu của ứng dụng.

- Google Chrome:



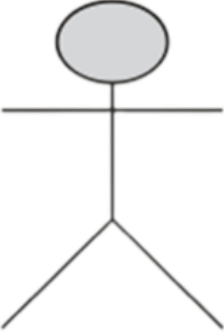

Hình 2.9: Google Chrome

Trình duyệt web phổ biến, hỗ trợ đầy đủ các tiêu chuẩn web hiện đại, giúp kiểm tra và debug các ứng dụng web phát triển bằng ASP.NET MVC một cách hiệu quả.

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

3.1. Phân tích và thiết kế hệ thống

3.1.1. Các tác nhân của hệ thống

| STT | Tác nhân | Ý nghĩa, nhiệm vụ Actor |
|-----|---|---|
| 1 |  Admin | <ul style="list-style-type: none">- Mô tả: Admin là tác nhân giữ vai trò chính trong hệ thống Website, chịu trách nhiệm điều hành, quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động của hệ thống.- Nhiệm vụ: Admin có thể thực hiện tất cả các chức năng quản trị như: Đăng nhập, quản lý sản phẩm, khuyến mãi, đơn hàng, khách hàng, theo dõi doanh số bán và các báo cáo liên quan, tìm kiếm và phản hồi của khách hàng,... |
| 2 |  Khách hàng | <ul style="list-style-type: none">- Mô tả: Khách hàng là người truy cập vào Website để xem và tìm kiếm các sản phẩm thời trang được đăng trên website.- Nhiệm vụ: Khách hàng có thể thực hiện các chức năng: tìm kiếm, xem chi tiết sản phẩm, chọn sản phẩm cần mua thêm vào giỏ hàng và đặt hàng. Khách hàng được hỗ trợ trực tuyến có thể để lại đánh giá và đóng góp ý kiến về trải nghiệm mua sắm hay website. |

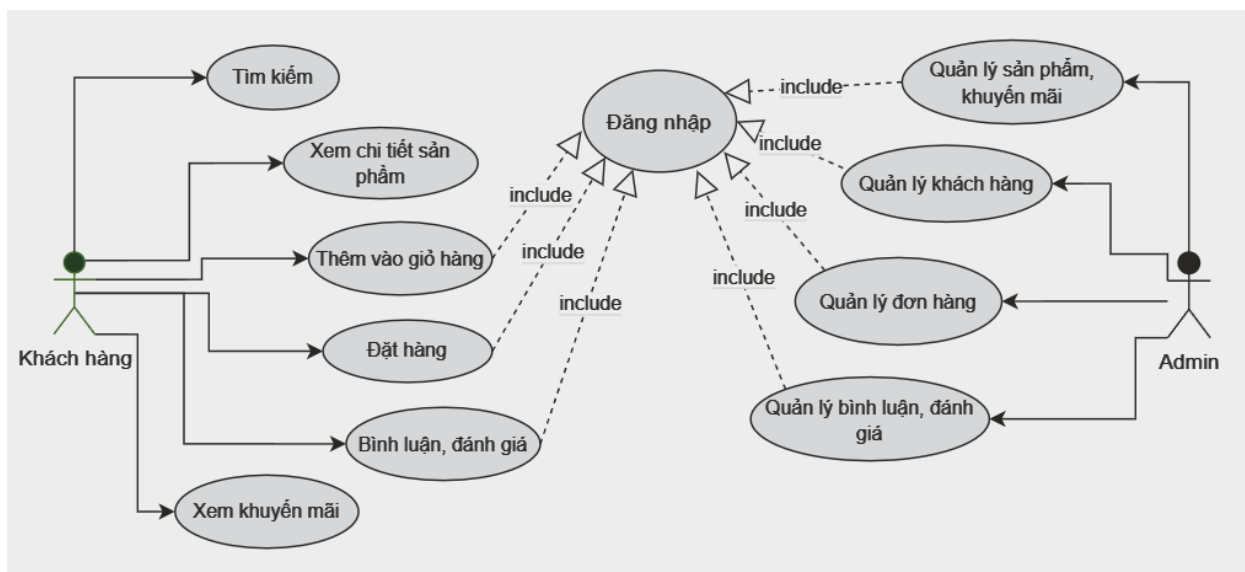
3.1.2. Các chức năng của hệ thống

| STT | Tên chức năng | Mô tả |
|-----|-----------------------|---|
| 1 | Đăng nhập | Chức năng này cho phép Admin, khách hàng đăng nhập vào hệ thống để thực hiện các chức năng của họ. |
| 2 | Đăng kí | Chức năng này cho phép khách hàng đăng kí thành viên để được sử dụng các ưu đãi thành viên và các chức năng của họ. |
| 3 | Tìm kiếm | Chức năng này giúp Admin và khách hàng tìm kiếm thông tin về sản phẩm, bài viết hay khuyến mãi trên website. |
| 4 | Bình luận, đánh giá | Khách hàng có thể gửi bình luận, đánh giá sản phẩm và website. Nội dung sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu để quản lý và phản hồi. |
| 5 | Xem chi tiết sản phẩm | Khách hàng có thể truy cập để xem chi tiết thông tin về sản phẩm. |
| 6 | Thêm vào giỏ hàng | Chức năng này cho phép khách hàng chọn các sản phẩm yêu thích và thêm vào giỏ hàng của mình. |
| 7 | Đặt hàng | Cho phép khách hàng đặt hàng các sản phẩm đã chọn. |
| 8 | Xem khuyến mãi | Chức năng này hiển thị các sản phẩm đang khuyến mãi để khách hàng dễ lựa chọn. |
| 9 | Quản lý thành viên | Chức năng này cho phép Admin quản lý các thông tin thành viên bao gồm: xem, thêm, sửa, xóa thông tin của khách hàng. |

| | | |
|----|-----------------------------|---|
| 10 | Quản lý bình luận, đánh giá | Admin có thể xem, xóa và trả lời các đánh giá của khách hàng. |
| 11 | Quản lý sản phẩm | Cho phép Admin thêm, sửa, xóa các thông tin hình ảnh của sản phẩm. |
| 12 | Quản lý danh mục sản phẩm | Cho phép Admin quản lý các loại danh mục sản phẩm trên website bao gồm xem, sửa, xóa. |

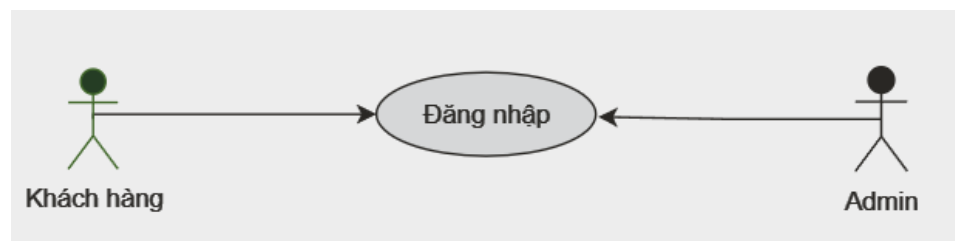
3.1.3. Biểu đồ Use Case (Use Case Diagram)

3.1.3.1. Use Case chính



Hình 3.1: Use Case Diagram chính

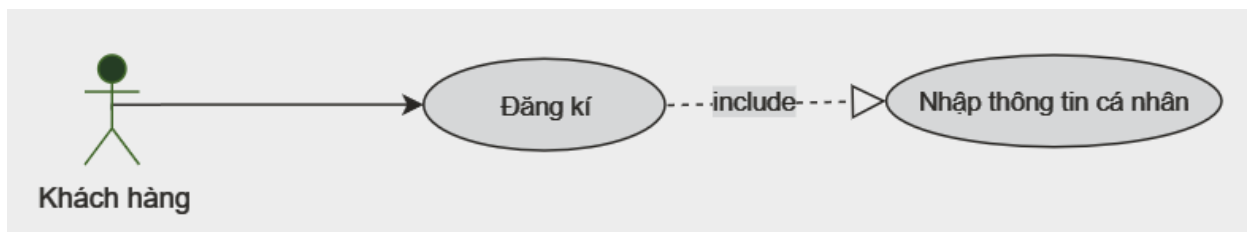
3.1.3.2. Use Case đăng nhập



Hình 3.2: Use Case Diagram đăng nhập

| | |
|-------------------|---|
| Use case | Đăng nhập |
| Actor | Khách hàng, Admin |
| Brief Description | <ul style="list-style-type: none"> - Admin đăng nhập vào trang quản trị để quản lý hệ thống của mình - Khách hàng thành viên đăng nhập hệ thống. |
| Pre-conditions | Actor đã có tài khoản đăng nhập |
| Basic Flows | <p>Hệ thống yêu cầu actor nhập tên đăng nhập và mật khẩu</p> <p>Actor nhập tên đăng nhập, mật khẩu của mình và ấn nút đăng nhập</p> <p>Hệ thống kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu vừa nhập</p> <p>Nếu đúng sẽ đăng nhập vào hệ thống</p> |
| Alternative Flows | Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng, hệ thống thông báo cho người dùng đăng nhập lại |
| Post-conditions | Không có |

3.1.3.3. Use Case đăng kí

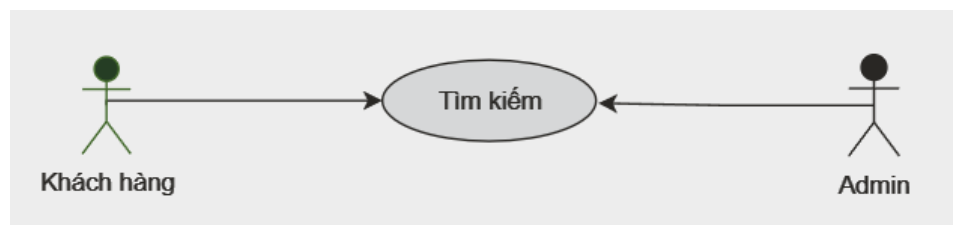


Hình 3.3: Use Case Diagram đăng kí

| | |
|----------|---------|
| Use case | Đăng kí |
|----------|---------|

| | |
|-------------------|--|
| Actor | Khách hàng |
| Brief Description | Khách hàng đăng kí thành viên |
| Pre-conditions | Không có |
| Basic Flows | <ul style="list-style-type: none"> – Khách hàng chọn mục đăng kí thành viên – Form đăng kí thành viên hiển thị – Khách hàng nhập thông tin vào form – Nhấn nút đăng kí. |
| Alternative Flows | <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình nhập thông tin không chính xác - Hệ thống yêu cầu nhập lại thông tin - Nếu không đồng ý chức năng đăng kí thông báo đăng kí không thành công |
| Post-conditions | Hệ thống lưu thông tin khách hàng đăng kí thành viên thành công lên cơ sở dữ liệu. |

3.1.3.4. Use Case tìm kiếm

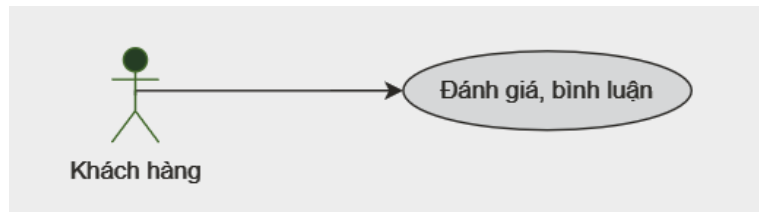


Hình 3.4: Use Case Diagram tìm kiếm

| | |
|----------|-------------------|
| Use case | Tìm kiếm |
| Actor | Khách hàng, Admin |

| | |
|-------------------|--|
| Brief Description | Cho phép actor thực hiện chức năng tìm kiếm |
| Pre-conditions | Người dùng nhập thông tin cần tìm kiếm, hệ thống sẽ tự động thực hiện yêu cầu tìm kiếm |
| Basic Flows | Khi người dùng truy cập vào hệ thống và chọn tìm kiếm, người dùng nhập từ khóa và hệ thống sẽ tìm từ khóa hợp lệ. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm cần tìm kiếm. |
| Alternative Flows | Từ khóa không hợp lệ Người dùng nhập lại từ khóa hoặc hủy bỏ tìm kiếm |
| Post-conditions | Không có |

3.1.3.5. Use Case đánh giá, bình luận

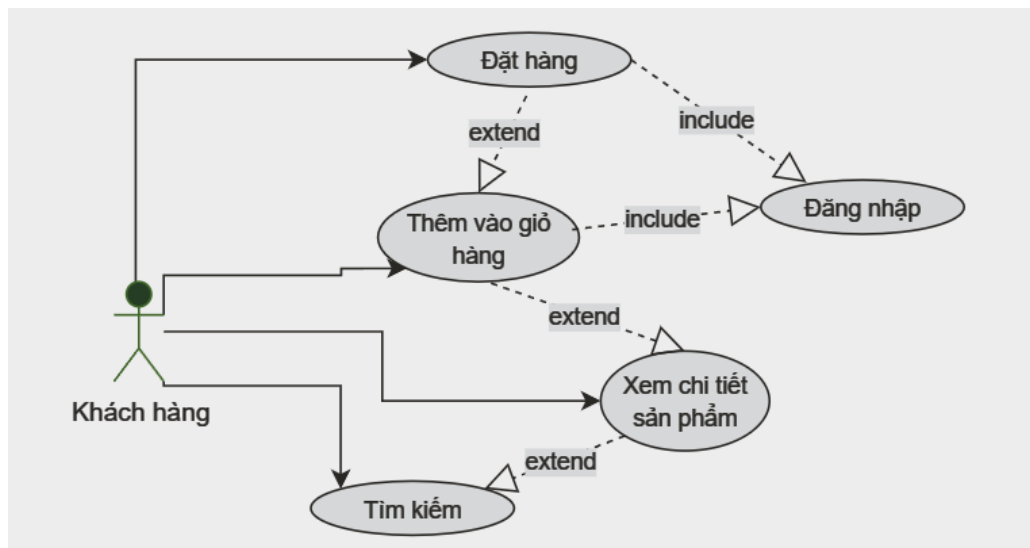


Hình 3.5: Use Case Diagram đánh giá, bình luận

| | |
|-------------------|--|
| Use case | Đánh giá, bình luận |
| Actor | Khách hàng |
| Brief Description | Khách hàng nếu có ý kiến thì có thể viết đánh giá, bình luận các sản phẩm và website |
| Pre-conditions | Chức năng này bắt đầu khi khách hàng đã mua sản phẩm. |

| | |
|-------------------|--|
| Basic Flows | Khách hàng chọn vào phần bình luận và viết bình luận đánh giá. Hệ thống sẽ ghi nhận phần bình luận và lưu lại. |
| Alternative Flows | Không có. |
| Post-conditions | Bình luận của khách hàng được gửi thành công và lưu vào cơ sở dữ liệu. |

3.1.3.6. Use Case thêm vào giỏ hàng và đặt hàng

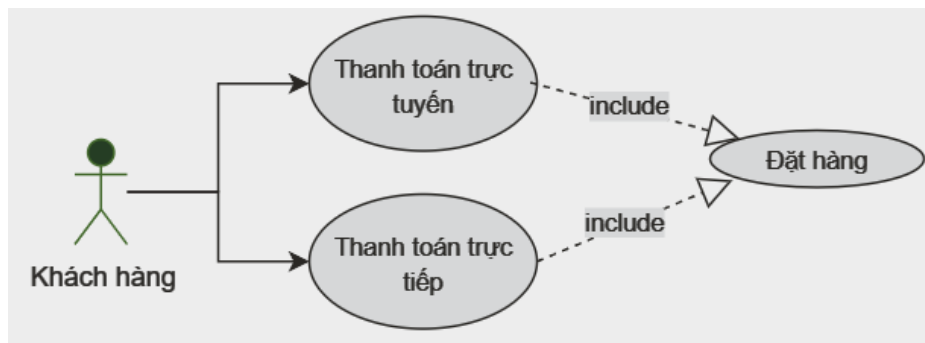


Hình 3.6: Use Case Diagram thêm vào giỏ hàng và đặt hàng

| | |
|-------------------|--|
| Use case | Thêm vào giỏ hàng, đặt hàng |
| Actor | Khách hàng |
| Brief Description | Chức năng cho phép khách hàng chọn thêm sản phẩm vào giỏ hàng và tiến hành đặt hàng. |
| Pre-conditions | Khách hàng phải đăng nhập thành công |

| | |
|-------------------|--|
| Basic Flows | <ul style="list-style-type: none"> – Khách hàng tìm chọn sản phẩm yêu thích sau đó thêm vào giỏ hàng. – Chọn các sản phẩm khách hàng muốn mua. – Nhập thông tin người mua sau đó ấn nút đặt hàng. |
| Alternative Flows | Không có. |
| Post-conditions | Không có |

3.1.3.7. Use Case thanh toán

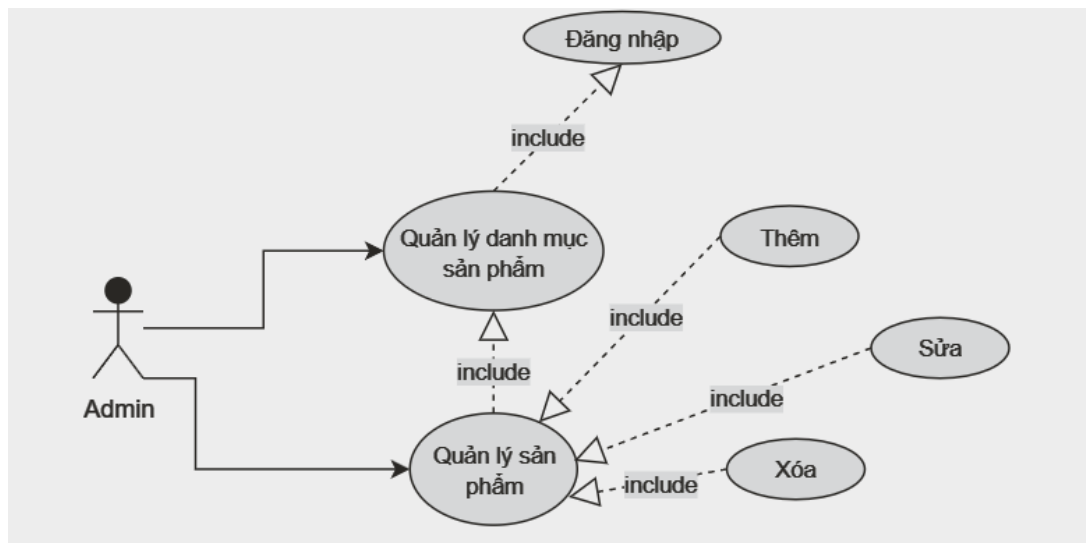


Hình 3.7: Use Case Diagram thanh toán

| | |
|-------------------|--|
| Use case | Thanh toán |
| Actor | Khách hàng |
| Brief Description | Chức năng cho phép khách hàng tiến hành thanh toán trực tuyến trên website hoặc trực tiếp với nhân viên giao hàng. |
| Pre-conditions | Khách hàng đã tiến hành đặt hàng. |
| Basic Flows | <ul style="list-style-type: none"> – Sau khi khách hàng nhập thông tin người mua hàng ấn nút đặt hàng hệ thống sẽ hỏi khách hàng muốn thanh toán trực tuyến hay thanh toán trực tiếp. |

| | |
|-------------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Nếu khách hàng chọn thanh toán trực tuyến hệ thống sẽ chuyển khách hàng đến trang thanh toán trực tuyến – Khách hàng có thể lựa chọn thanh toán bằng thẻ ngân hàng, ví điện tử,... – Khách hàng chọn phương thức thanh toán và tiến hành thanh toán – Hệ thống xác nhận thanh toán thành công. |
| Alternative Flows | Khách hàng không xác nhận thanh toán thì hệ thống sẽ hủy bỏ lệnh đặt hàng của khách hàng. |
| Post-conditions | Không có |

3.1.3.8. Use Case quản lý sản phẩm

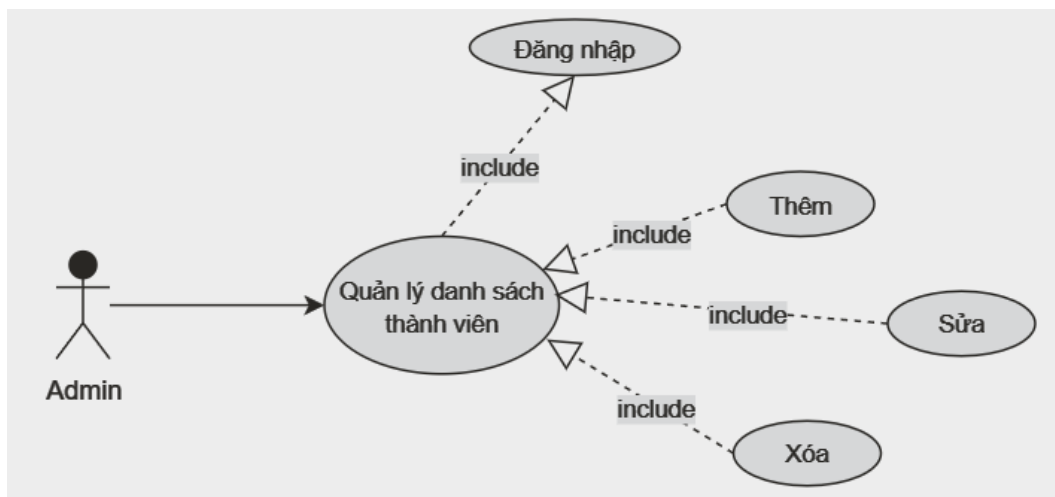


Hình 3.8: Use Case Diagram quản lý sản phẩm

| | |
|----------|------------------|
| Use case | Quản lý sản phẩm |
| Actor | Admin |

| | |
|-------------------|--|
| Brief Description | Các sản phẩm được chia ra thành nhiều loại danh mục sản phẩm, Admin có quyền quản lý sản phẩm với các thao tác thêm, sửa, xóa sản phẩm. |
| Pre-conditions | Người dùng đã đăng nhập bằng tài khoản Admin vào hệ thống thành công. |
| Basic Flows | <ul style="list-style-type: none"> – Chức năng bắt đầu khi người quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. – Admin chọn phần quản lý sản phẩm và thêm xóa sửa là các chức năng mà Admin có thể sử dụng. – Hệ thống sẽ hiển thị form thêm, sửa, xóa thành viên mà Admin đã chọn. – Nếu chọn thêm thì Admin có thể thêm sản phẩm mới. – Nếu chọn xóa thì sự kiện xóa sản phẩm được thực hiện. – Nếu chọn sửa thì Admin có thể sửa đổi thông tin sản phẩm. |
| Alternative Flows | Không có |
| Post-conditions | Admin cập nhật mới sản phẩm sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. |

3.1.3.9. Use Case quản lý thành viên

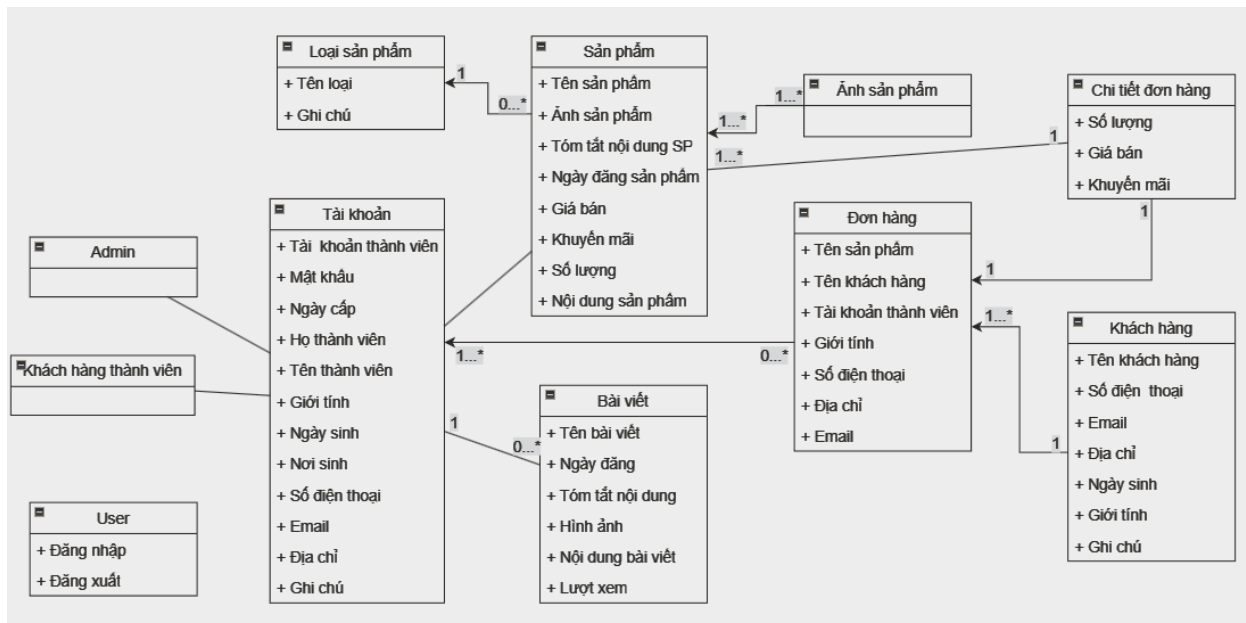


Hình 3.9: Use Case Diagram quản lý thành viên

| | |
|-------------------|--|
| Use case | Quản lý thành viên |
| Actor | Admin |
| Brief Description | Admin cần quản lý danh sách các thành viên với các thao tác thêm, sửa, xóa sản phẩm. |
| Pre-conditions | Người dùng đã đăng nhập bằng tài khoản Admin vào hệ thống thành công. |
| Basic Flows | <ul style="list-style-type: none"> – Chức năng bắt đầu khi người quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. – Admin chọn phần quản lý thành viên – Hệ thống sẽ hiển thị form thông tin của các thành viên và các chức năng người dùng có thể sử dụng: thêm, sửa xóa – Nếu chọn thêm thì Admin có thể thêm thành viên mới. – Nếu chọn sửa thì Admin có thể sửa đổi thông tin thành |

| | |
|-------------------|---|
| | viên – Nếu chọn xóa thì sự kiện xóa thành viên được thực hiện. |
| Alternative Flows | Không có |
| Post-conditions | Các thông tin thành viên được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. |

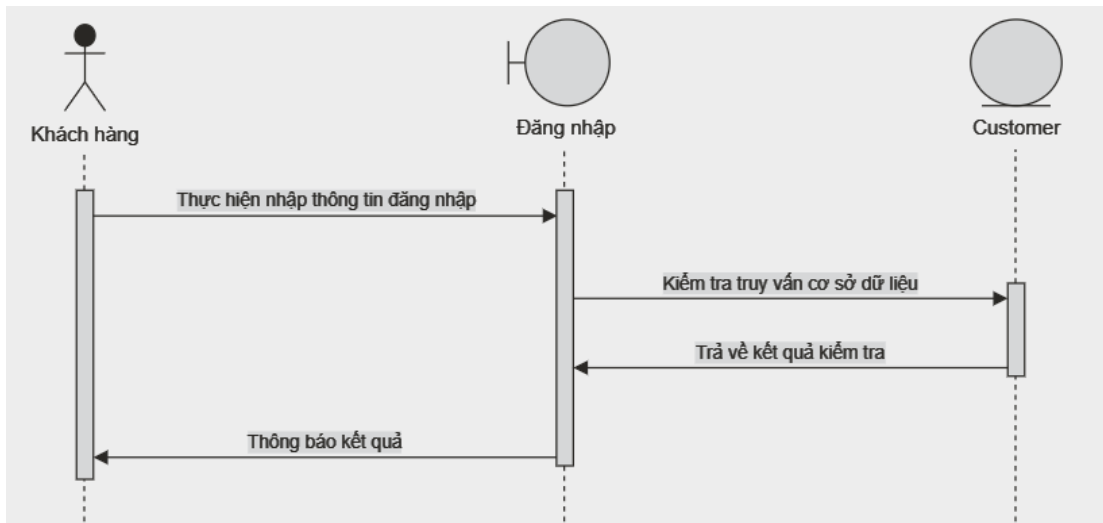
3.1.4. Class Diagram



Hình 3.10: Class Diagram

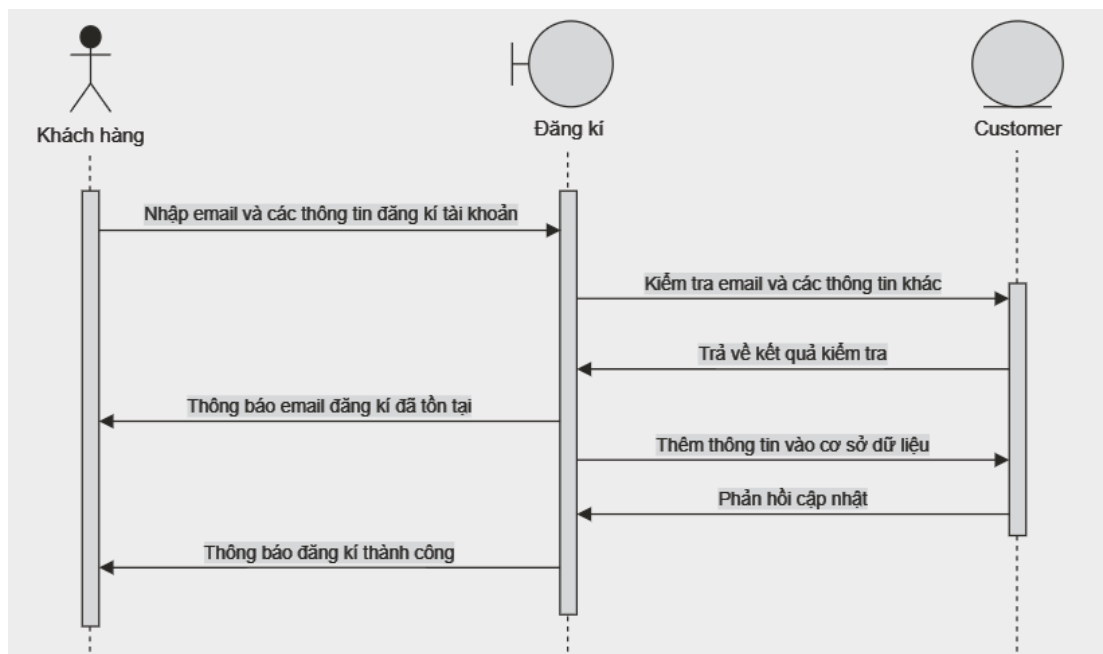
3.1.5. Biểu đồ tuần tự (Sequence Diagram)

3.1.5.1. Sequence Diagram Đăng nhập



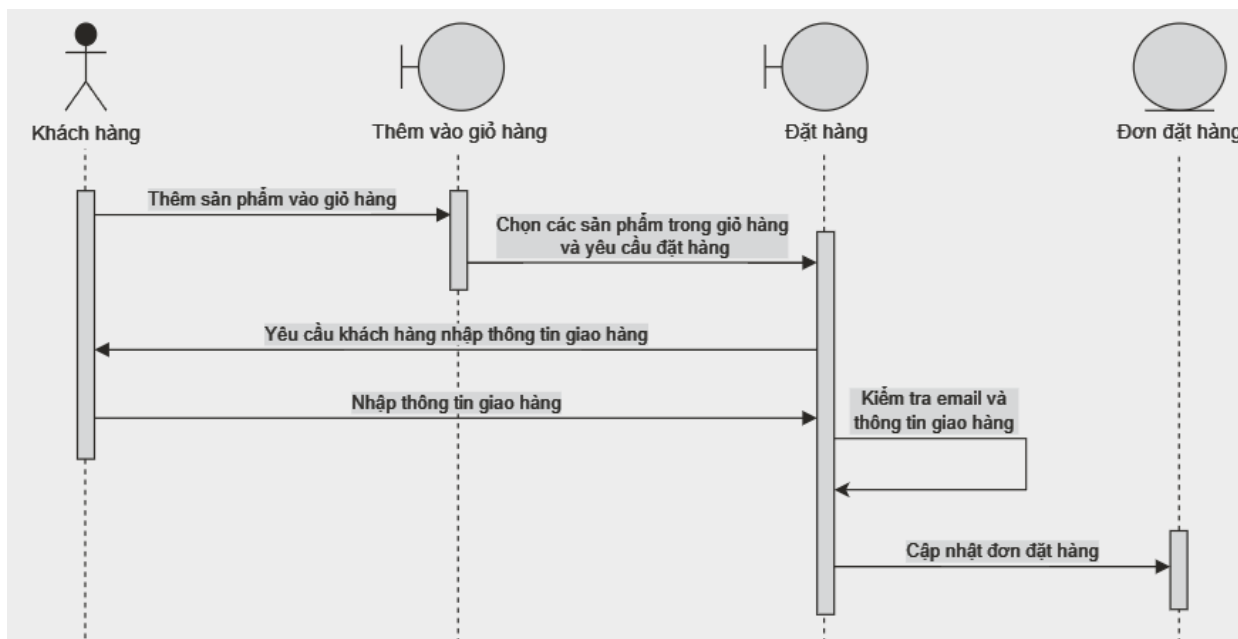
Hình 3.11: Sequence Diagram đăng nhập

3.1.5.2. Sequence Diagram Đăng kí thành viên



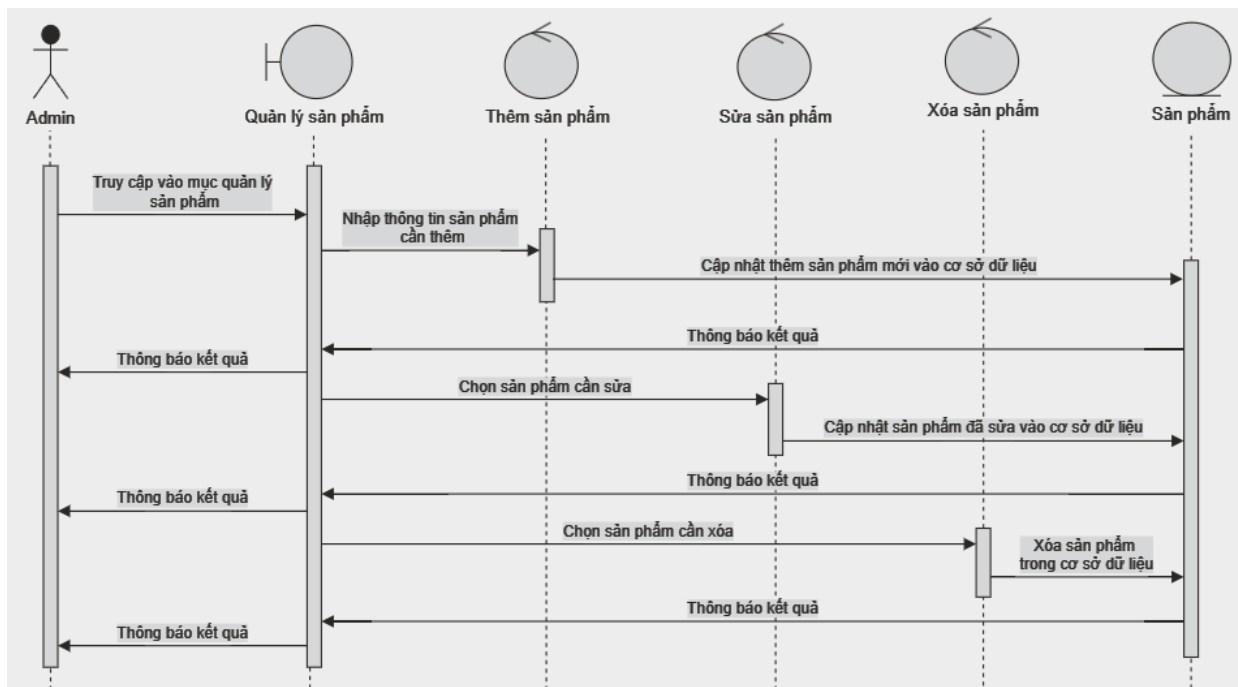
Hình 3.12: Sequence Diagram đăng kí thành viên

3.1.5.3. Sequence Diagram Đặt hàng



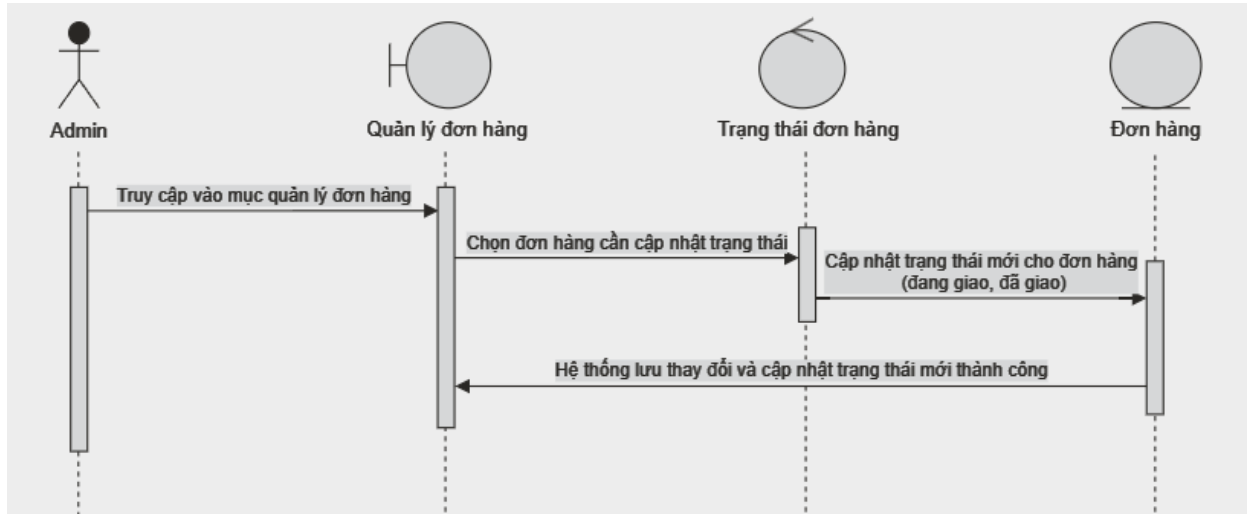
Hình 3.13: Sequence Diagram đặt hàng

3.1.5.4. Sequence Diagram Quản lý sản phẩm



Hình 3.14: Sequence Diagram quản lý sản phẩm

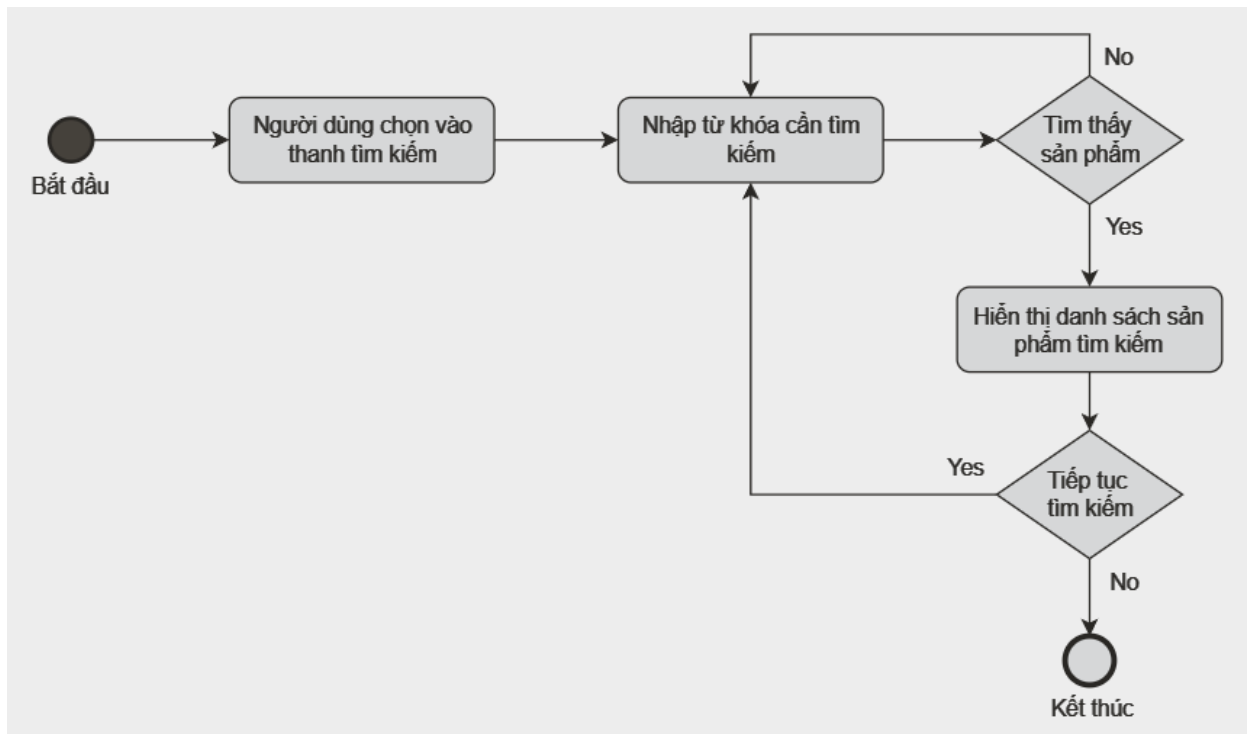
3.1.5.5. Sequence Diagram Quản lý đơn hàng



Hình 3.15: Sequence Diagram quản lý đơn hàng

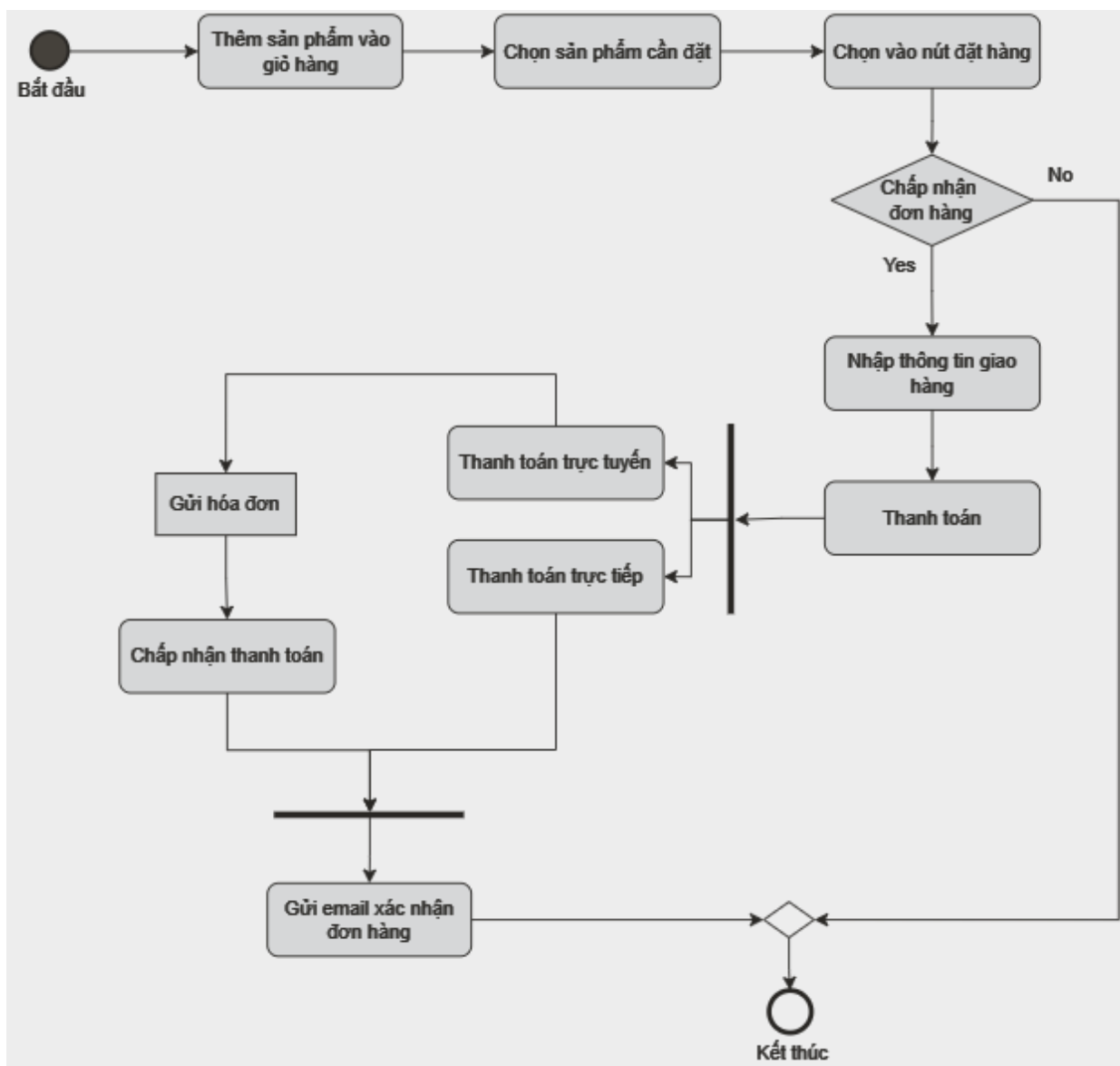
3.1.6. Biểu đồ hoạt động (Activity Diagram)

3.1.6.1. Activity Diagram Tìm kiếm sản phẩm



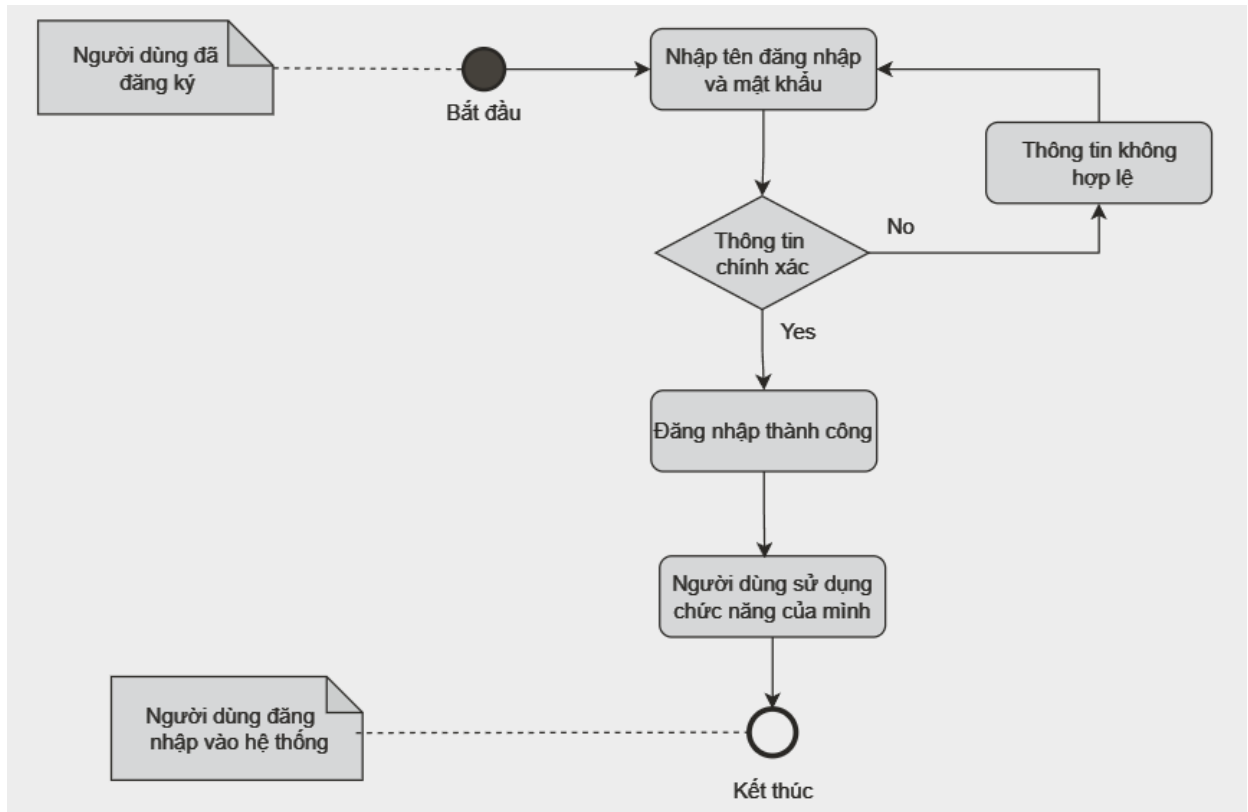
Hình 3.16: Activity Diagram tìm kiếm sản phẩm

3.1.6.2. Activity Diagram Đặt hàng và thanh toán



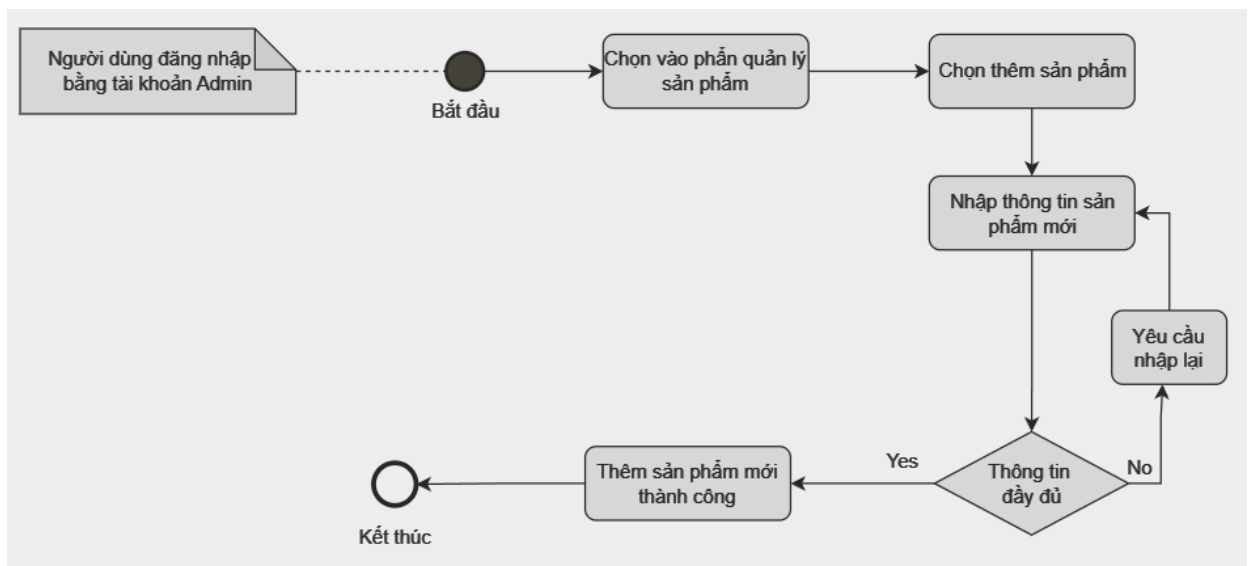
Hình 3.17: Activity đặt hàng và thanh toán

3.1.6.3. Activity Diagram Đăng nhập



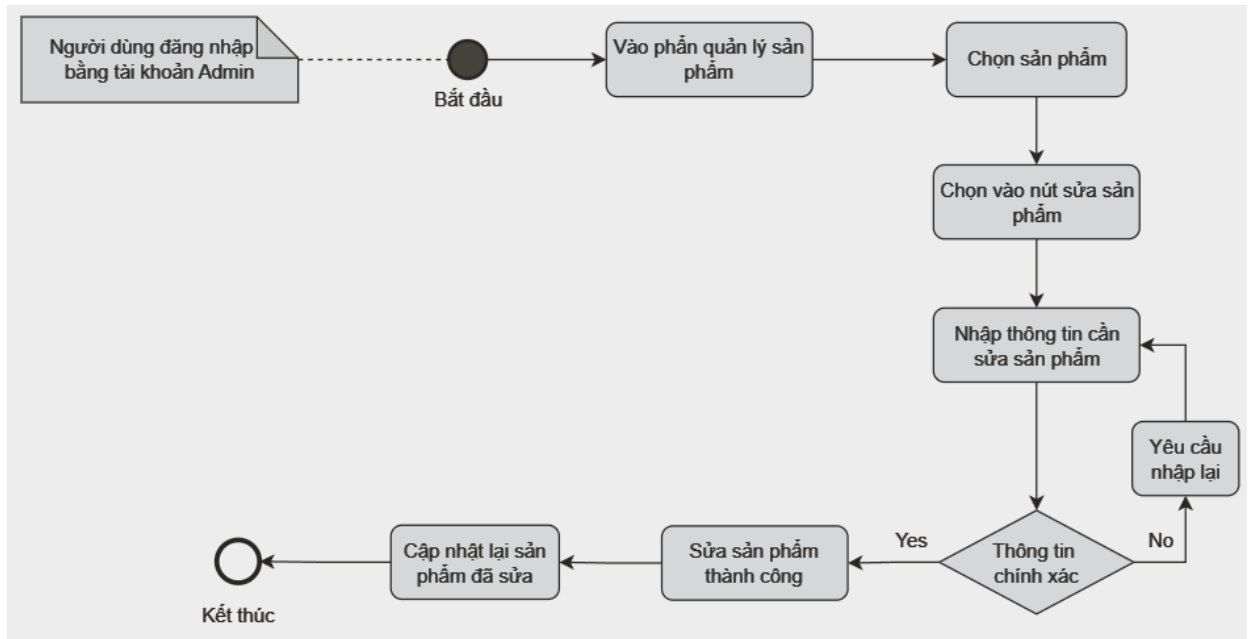
Hình 3.18: Activity Diagram đăng nhập

3.1.6.4. Activity Diagram Thêm sản phẩm



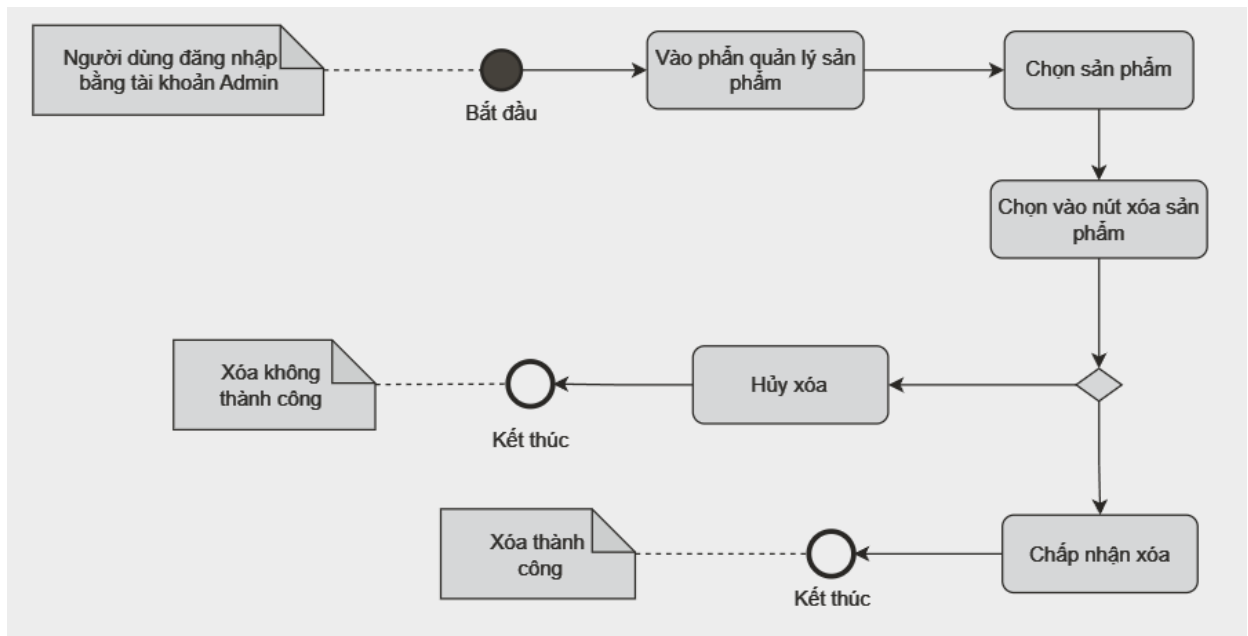
Hình 3.19: Activity Diagram thêm sản phẩm

3.1.6.5. Activity Diagram Sửa sản phẩm



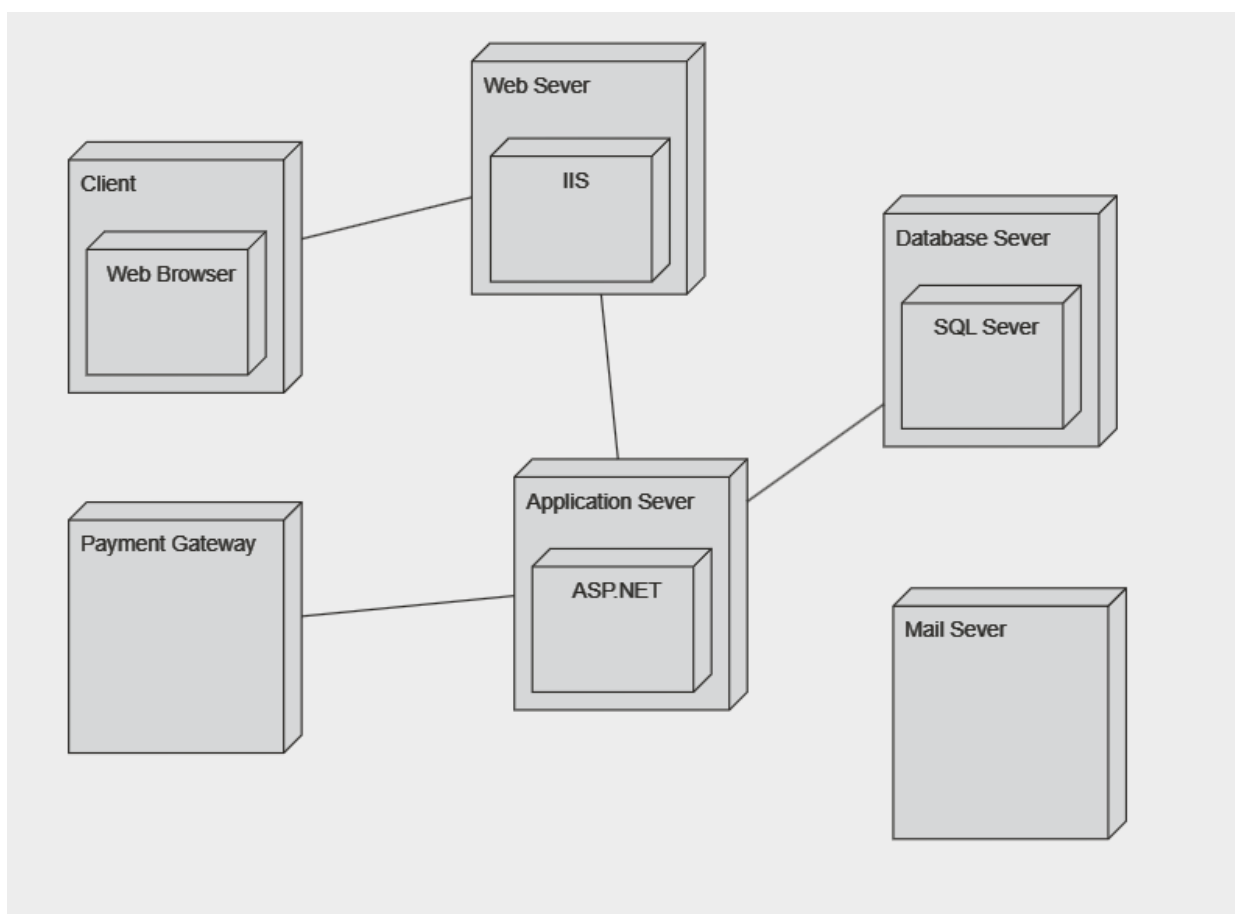
Hình 3.20: Activity Diagram sửa sản phẩm

3.1.6.6. Activity Diagram Xóa sản phẩm



Hình 3.21: Activity Diagram xóa sản phẩm

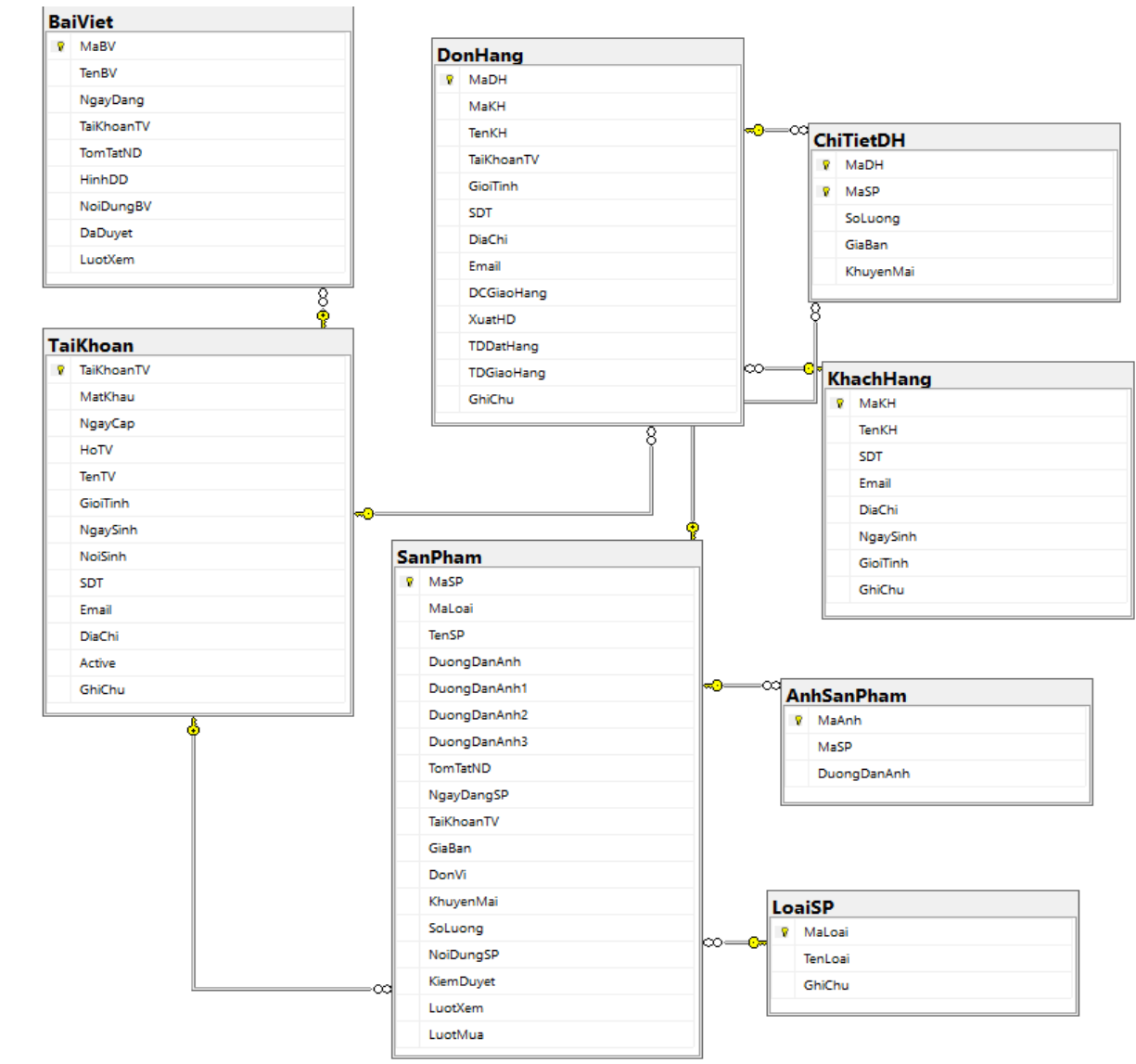
3.1.7. Biểu đồ triển khai (Deployment Diagram)



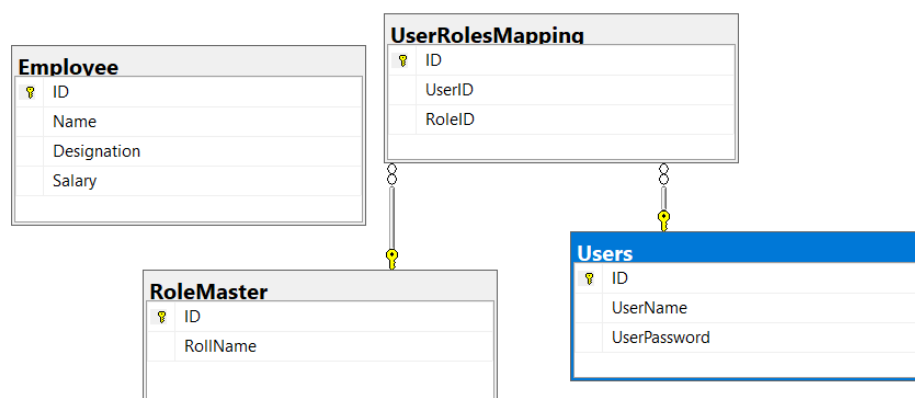
Hình 3.22: Deployment Diagram

3.2. Thiết kế dữ liệu

3.2.1. Lược đồ cơ sở dữ liệu (Database Diagram)



Hình 3.23: Database Diagram



Hình 3.24: Database Diagram User

3.2.2. Chi tiết các bảng cơ sở dữ liệu

3.2.2.1. SanPham (Sản Phẩm)

Mỗi sản phẩm có một mã (ID) duy nhất để phân biệt với các sản phẩm khác, mã tự động tăng và không được bỏ trống.

| Tên cột | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
|-------------|--------------|---------------------------|
| MaSP | int | Mã sản phẩm, khóa chính |
| MaLoai | int | Mã loại, khóa ngoại |
| TenSP | nvarchar | Tên sản phẩm |
| DuongDanAnh | nvarchar | Đường dẫn ảnh |
| UserID | int | Mã người dùng, khóa ngoại |
| TomTatND | nvarchar | Tóm tắt nội dung |

| | | |
|------------|----------|--------------------|
| NgàyDangSP | Datetime | Ngày đăng sản phẩm |
| GiaBan | int | Giá bán |
| DonVi | nvarchar | Đơn vị |
| KhuyenMai | nvarchar | Khuyến mãi |
| SoLuong | int | Số lượng |
| NoiDungSP | ntext | Nội dung sản phẩm |
| KiemDuyet | bit | Kiểm duyệt |
| LuotXem | int | Lượt xem |
| LuotMua | int | Lượt mua |

3.2.2.2. *LoaiSP (Loại sản phẩm)*

Mỗi danh mục loại sản phẩm có một mã (ID) duy nhất để phân biệt với các danh mục khác, mã tự động tăng và không được bỏ trống.

| Tên cột | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
|---------|--------------|---------------------|
| MaLoai | Int | Mã loại, khóa chính |
| TenLoai | nvarchar | Tên loại |
| GhiChu | Ntext | Ghi chú |

3.2.2.3. DonHang (Đơn hàng)

Mỗi đơn hàng có một mã đơn hàng duy nhất

| Thuộc Tính | Kiểu Dữ Liệu | Mô Tả |
|------------|--------------|----------------------------|
| MaDH | Int | Mã số đơn hàng, khoá chính |
| MaKH | Int | Mã khách hàng, khóa ngoại |
| TenKH | Nvarchar | Tên khách hàng |
| UserID | Int | Mã người dùng, khóa ngoại |
| GioiTinh | bit | Giới tính |
| SĐT | Varchar | Số điện thoại |
| DiaChi | Nvarchar | Địa chỉ |
| Email | Nvarchar | Email |
| XuatHD | Nvarchar | Xuất hóa đơn |
| TDDatHang | Datetime | Ngày đặt hàng |
| TDGiaoHang | Datetime | Ngày giao hàng |
| DCGiaoHang | Nvarchar | Địa chỉ giao hàng |
| GhiChu | Ntext | Chú thích những lưu ý |

3.2.2.4. ChiTietDH (Chi tiết đơn hàng)

Mỗi chi tiết đơn hàng có một số đơn hàng (SoDH) và mã sản phẩm (MaSP) dùng để phân biệt với các chi tiết đơn hàng khác.

| Tên cột | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
|-----------|---------------|----------------------------|
| SoDH | Varchar | Mã số đơn hàng, khoá chính |
| MaSP | int | Mã sản phẩm, khoá chính |
| SoLuong | int | Số lượng của từng sản phẩm |
| GiaBan | int | Giá bán |
| KhuyenMai | nvarchar(279) | Giảm giá |

3.2.2.5. BaiViet (Bài viết)

Mỗi bài viết chỉ có một mã bài viết (MaBV) để phân biệt với các bài viết khác.

| Thuộc Tính | Kiểu Dữ Liệu | Mô Tả |
|------------|--------------|----------------------------------|
| MaBV | Int | Mã bài viết, khoá chính, notnull |
| TenBV | Nvarchar | Tên bài viết |
| HinhDD | Ntext | Đường dẫn đến hình bài viết |

| | | |
|-----------|----------|--------------------------------------|
| TomTatND | Ntext | Nội dung tóm tắt của bài viết |
| NgayDang | Datetime | Ngày bài viết được đăng lên hệ thống |
| NoiDungBV | Nvarchar | Nội dung chính của bài viết |
| UserID | Varchar | Mã tài khoản duyệt của bài viết |
| DaDuyet | Bit | Trạng thái duyệt của bài viết |
| LuotXem | Int | Lượt xem bài viết |

3.2.2.6. TaiKhoan (Tài khoản)

Mỗi tài khoản người dùng có một mã tài khoản (UserID) duy nhất.

| Thuộc Tính | Kiểu Dữ Liệu | Mô Tả |
|------------|--------------|-----------------------------------|
| UserID | int | Mã tài khoản, khóa chính, tự tăng |
| TaiKhoan | varchar | Tài Khoản |
| MatKhau | nvarchar | Mật Khẩu |

3.2.2.7. *KhachHang* (Khách hàng)

Mỗi khách hàng có một mã khách hàng (MaKH) duy nhất dùng để phân biệt các khách hàng khác.

| Thuộc Tính | Kiểu Dữ Liệu | Mô Tả |
|------------|--------------|------------------------------|
| MaKH | Varchar | Mã Khách hàng, khoá chính |
| TenKH | Nvarchar | Tên khách hàng |
| SoDT | Varchar | Số điện thoại của khách hàng |
| Email | Varchar | Email của khách hàng |
| DiaChi | Nvarchar | Địa chỉ của khách hàng |
| NgaySinh | Datetime | Ngày sinh của khách hàng |
| GioiTinh | Bit | Giới tính |
| GhiChu | Ntext | Chú thích những lưu ý |

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ DỰ ÁN

4.1. Quản lý dự án

4.1.1. Mục tiêu dự án

Mục tiêu của dự án này là xây dựng một website thương mại điện tử cửa hàng thời trang nam. Website cung cấp các chức năng mua bán hàng trực tuyến, đảm bảo trải nghiệm mua sắm tiện lợi dễ dàng cho khách hàng. Hệ thống website cung cấp các thông tin chi tiết về các sản phẩm, hỗ trợ khách hàng đặt hàng và thanh toán một cách nhanh chóng, cùng với đó là dễ dàng quản lý các thông tin liên quan đến sản phẩm, đơn hàng,...

4.1.2. Phạm vi dự án

- Xây dựng giao diện người dùng: Tạo các trang giao diện cho người dùng gồm có trang chủ, trang sản phẩm, danh mục sản phẩm, chi tiết sản phẩm, giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán, đăng nhập, đăng ký, trang liên hệ,...
- Phát triển chức năng quản lý: Hệ thống hỗ trợ admin quản lý các danh mục sản phẩm, sản phẩm, đơn hàng, khách hàng thành viên,...
- Tích hợp hệ thống thanh toán: Tích hợp hệ thống thanh toán trực tuyến cho phép người dùng thanh toán qua nhiều phương thức như chuyển khoản ngân hàng, ví điện tử,...

4.1.3. Thiết kế hệ thống

- Kiến trúc hệ thống: Chọn kiến trúc MVC (Model-View-Controller). Sử dụng MVC hệ thống website thời trang sẽ có tính phân tách rõ ràng giữa phần giao diện, xử lý nghiệp vụ và xử lý dữ liệu, giúp cải thiện được khả năng bảo trì, mở rộng và tối ưu hóa hiệu suất.
- Lên kế hoạch thiết kế cơ sở dữ liệu với các bảng như sản phẩm, loại sản phẩm, đơn hàng, chi tiết đơn hàng, khách hàng,...
- Thiết kế giao diện người dùng (UI) cho các trang chính như trang chủ, trang chi tiết sản phẩm, trang giỏ hàng, trang thanh toán,...

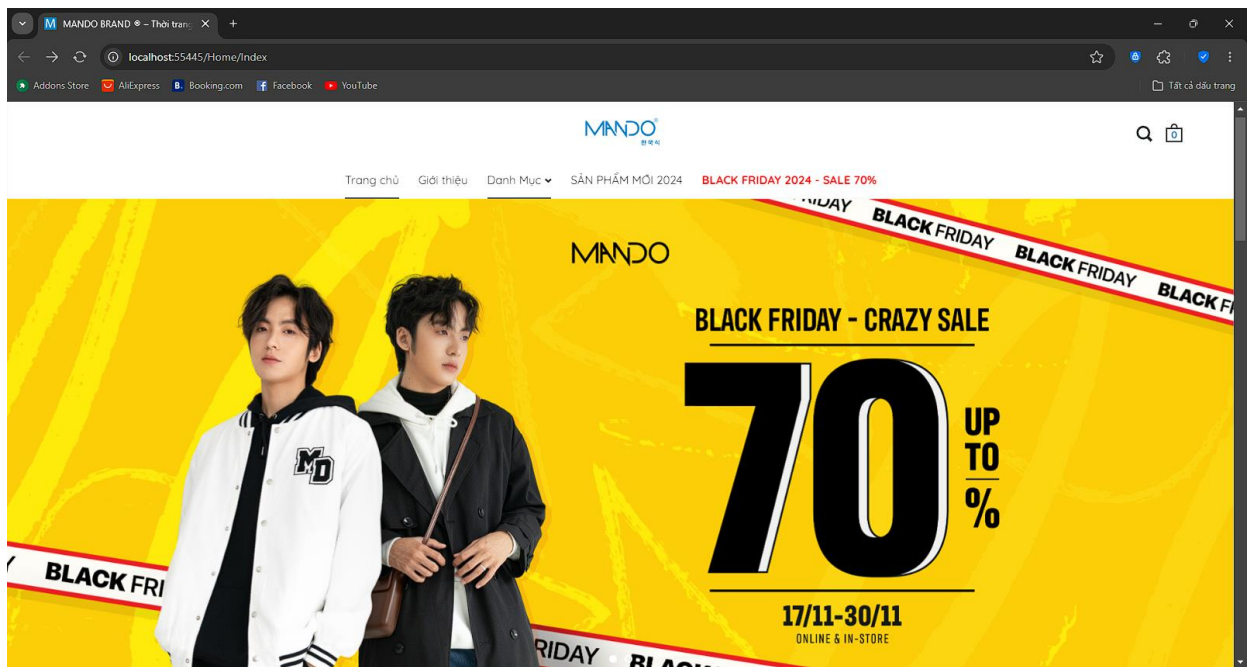
- Thiết kế trải nghiệm người dùng (UX) dễ dàng cho người dùng từ lúc xem sản phẩm cho đến khi thêm giỏ hàng và thanh toán, cải thiện mua sắm online với các tính năng như: tìm kiếm nhanh, xem chi tiết sản phẩm, quá trình thanh toán đơn giản,...

4.1.4. Lập kế hoạch và triển khai

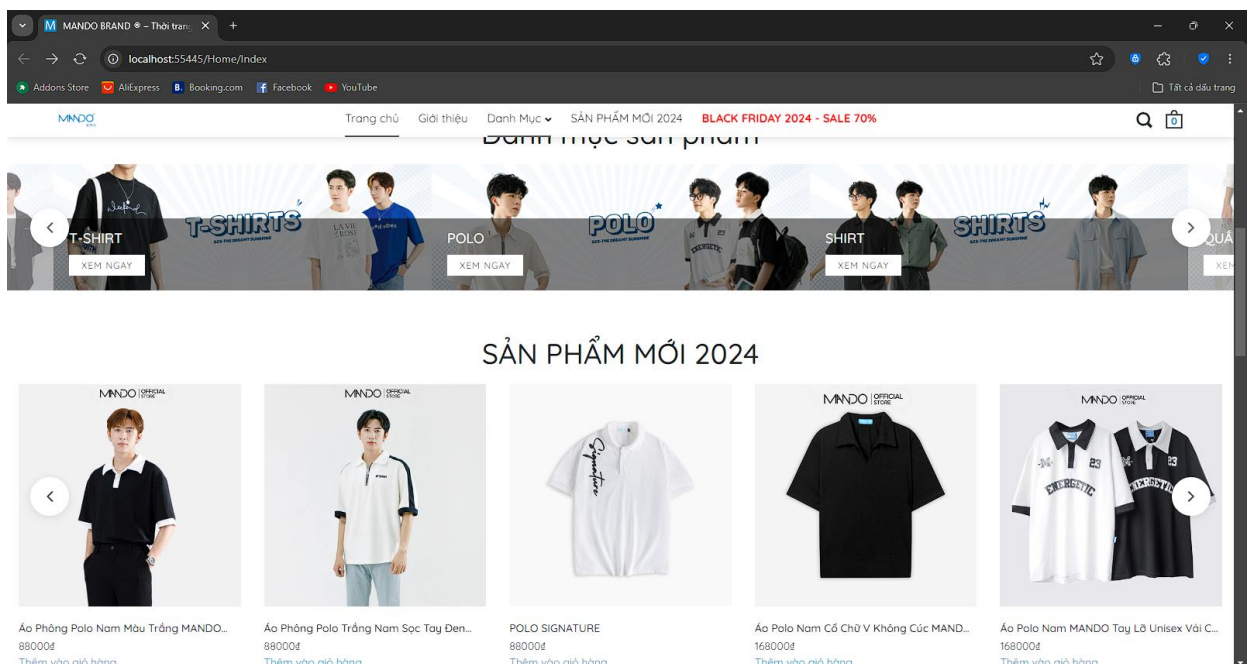
| Giai đoạn | Thời gian | Mô tả |
|---|-----------|---|
| Giai đoạn 1: Khởi động dự án | 1 tuần | Xác định các yêu cầu của hệ thống từ khách hàng. |
| Giai đoạn 2: Phân tích yêu cầu | 1 tuần | Thu thập và phân tích yêu cầu của khách hàng và các bên có liên quan, bao gồm các chức năng quản lý sản phẩm, đơn hàng, giỏ hàng và thanh toán. |
| Giai đoạn 3: Thiết kế hệ thống | 2 tuần | Thiết kế kiến trúc hệ thống theo mô hình MVC, tạo các giao diện người dùng (UI/UX) và cơ sở dữ liệu cho các sản phẩm, đơn hàng, khách hàng,... |
| Giai đoạn 4: Phát triển các chức năng | 7 tuần | Xây dựng và phát triển các chức năng chính của hệ thống front-end, back-end và tích hợp cổng thanh toán trực tuyến. |
| Giai đoạn 5: Kiểm thử và sửa lỗi hệ thống | 2 tuần | Thực hiện kiểm thử toàn hệ thống để đảm bảo tính ổn định và bảo mật. |
| Giai đoạn 6: Triển khai | 1 tuần | Triển khai hệ thống lên sever thực tế. |

4.2. Thiết kế giao diện

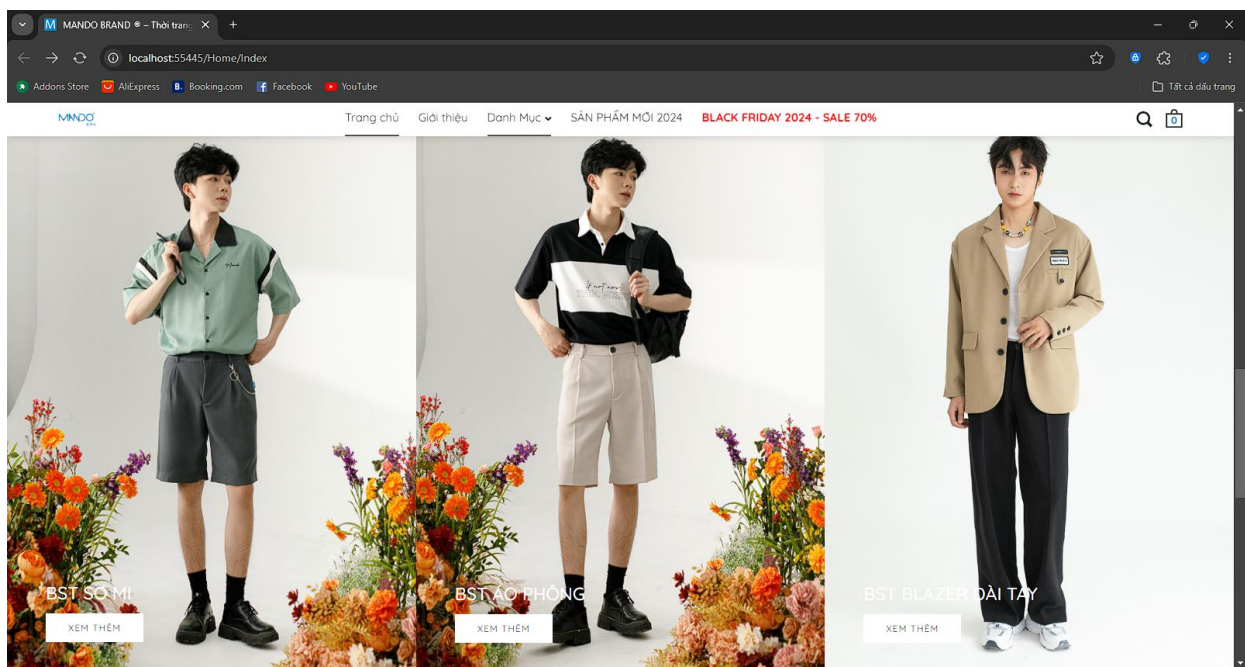
4.2.1. Thiết kế giao diện và chức năng các trang website



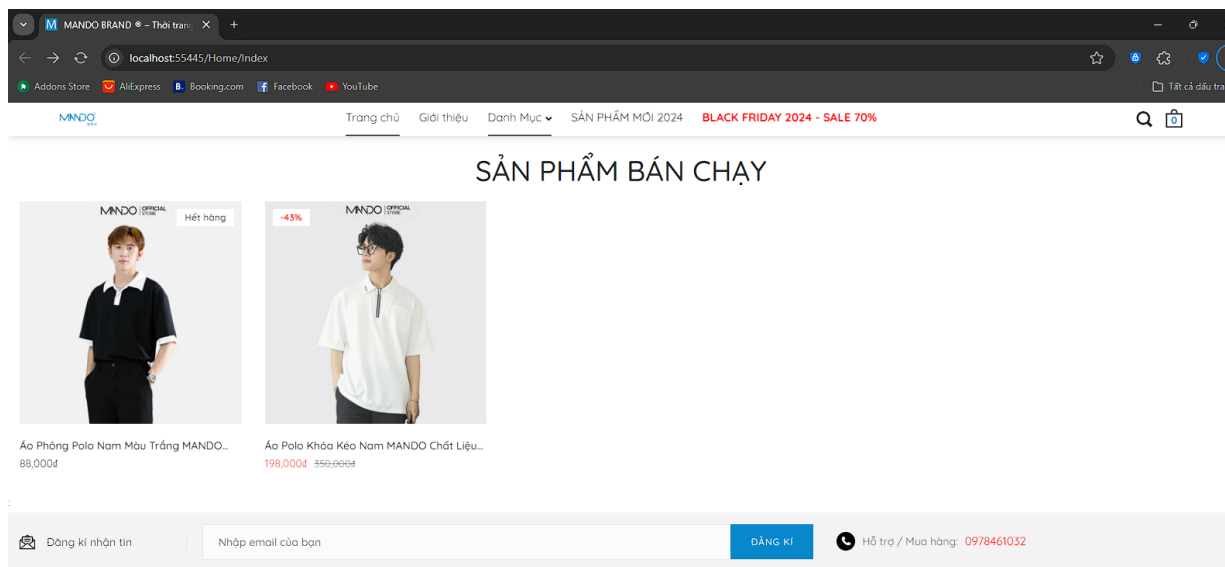
Hình 4.1: Giao diện trang chủ (1)



Hình 4.2: Giao diện trang chủ (2)



Hình 4.3: Giao diện trang chủ (3)



Hình 4.4: Giao diện trang chủ (4)

UserName

admin

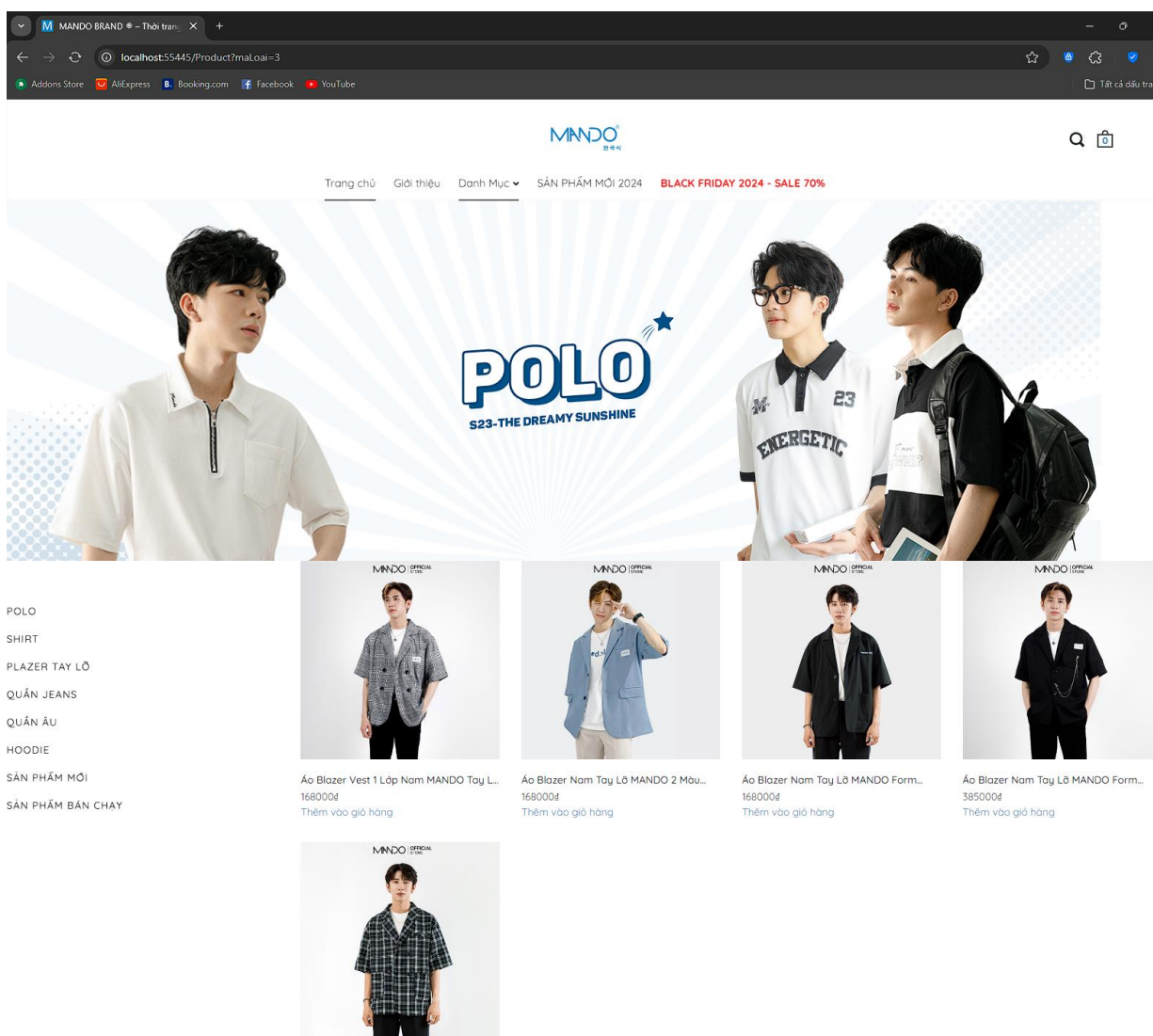
Password

.....

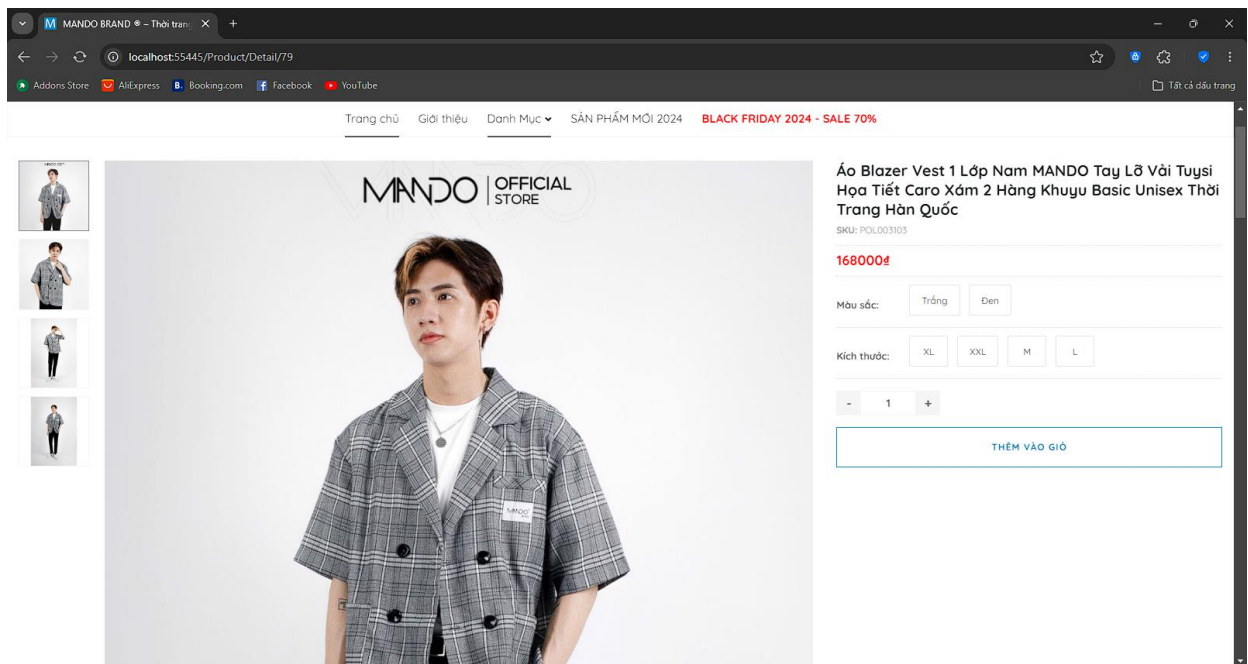
Signup

Click here to Login

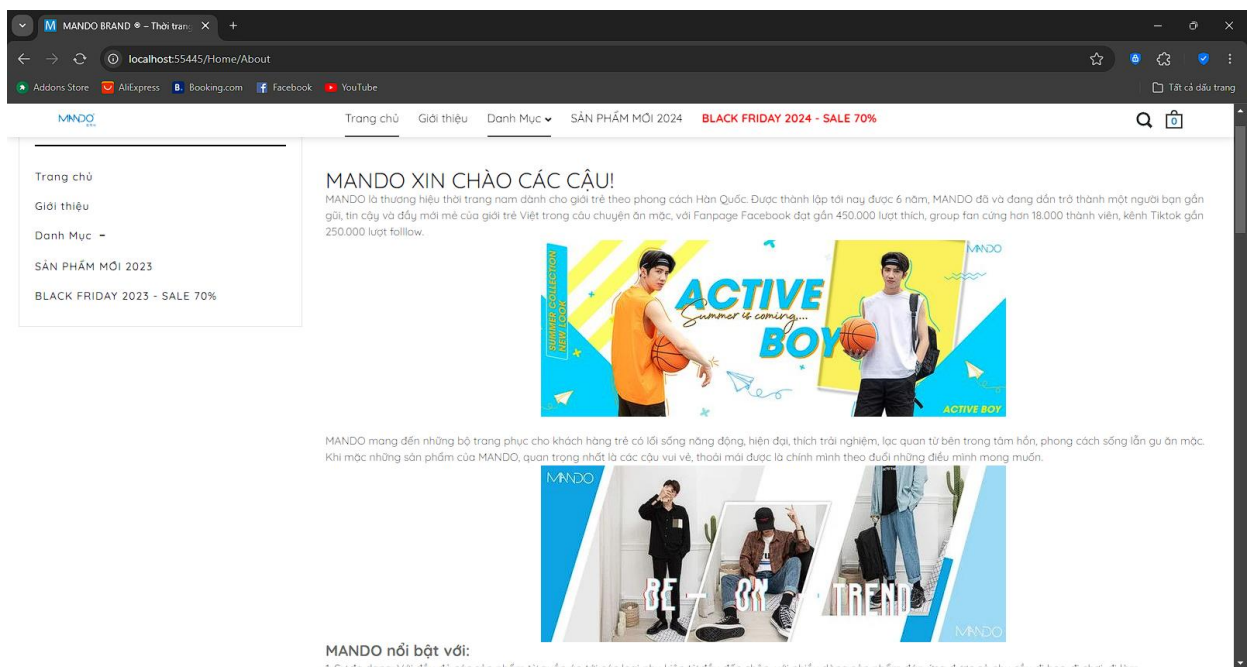
Hình 4.5: Giao diện thể hiện đăng nhập và đăng ký



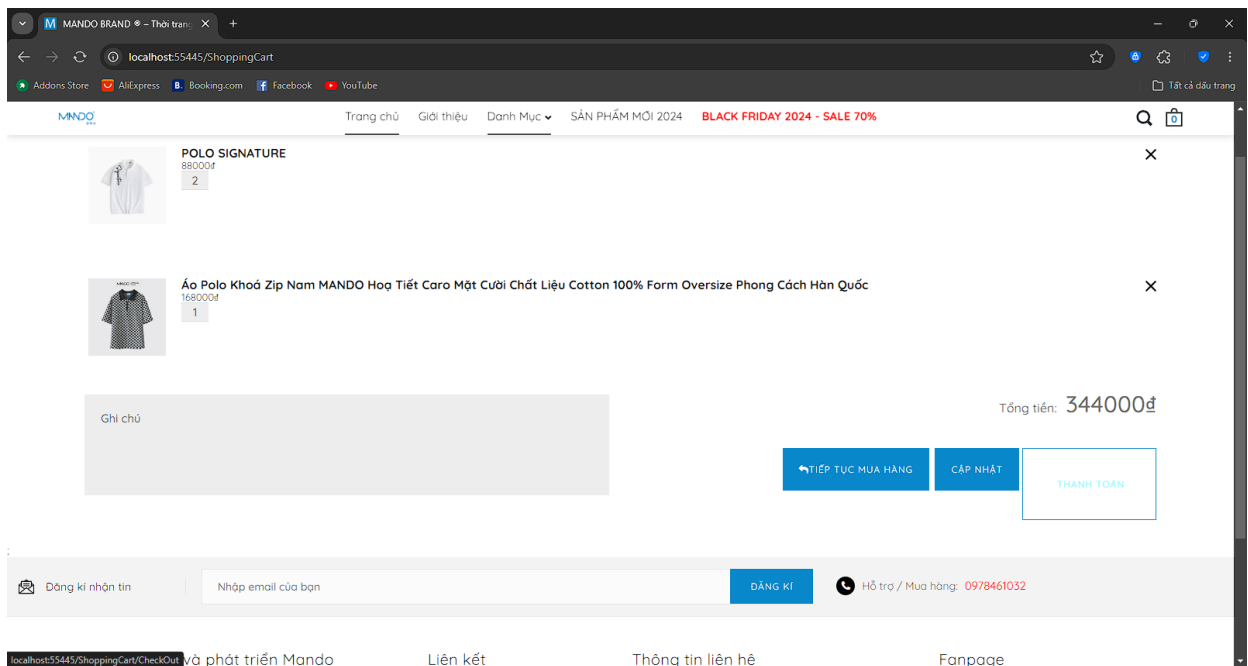
Hình 4.6: Giao diện các danh mục sản phẩm



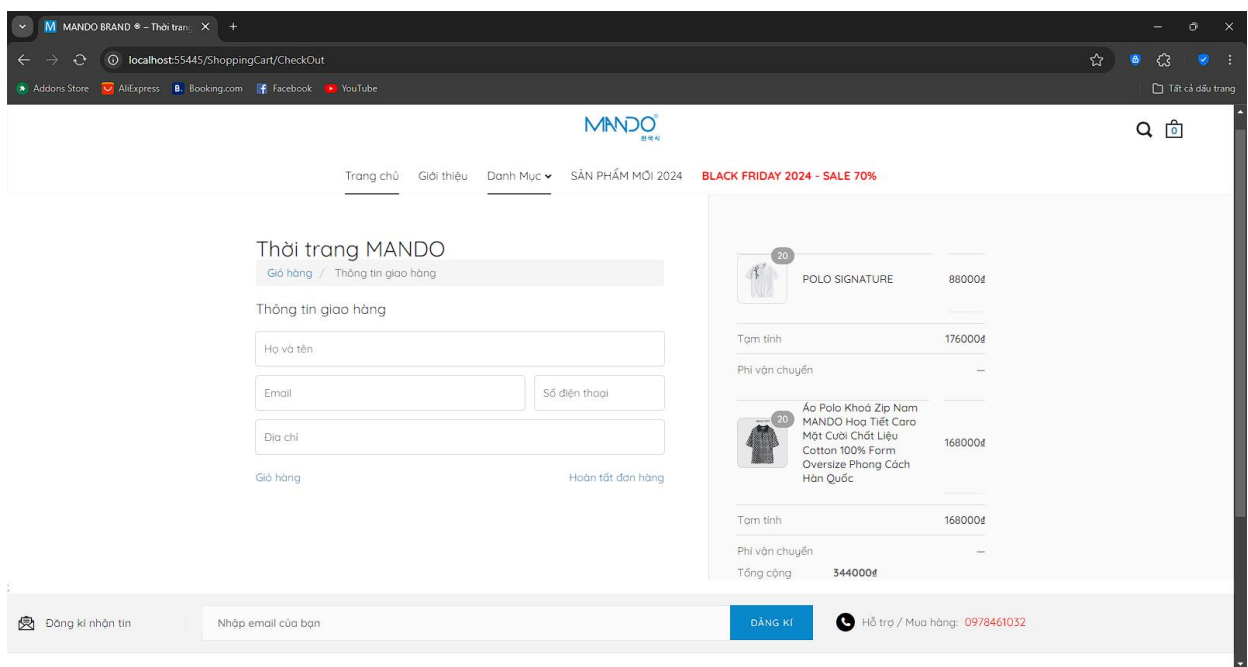
Hình 4.7: Giao diện xem chi tiết sản phẩm



Hình 4.8: Giao diện giới thiệu

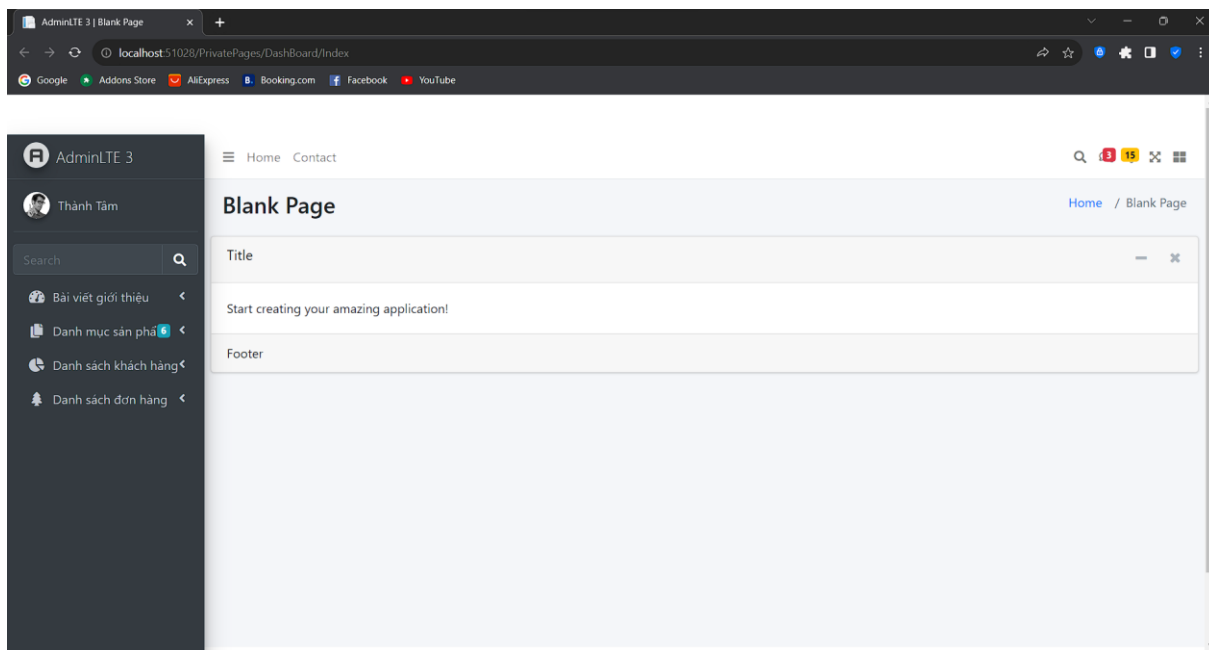


Hình 4.9: Giao diện giỏ hàng

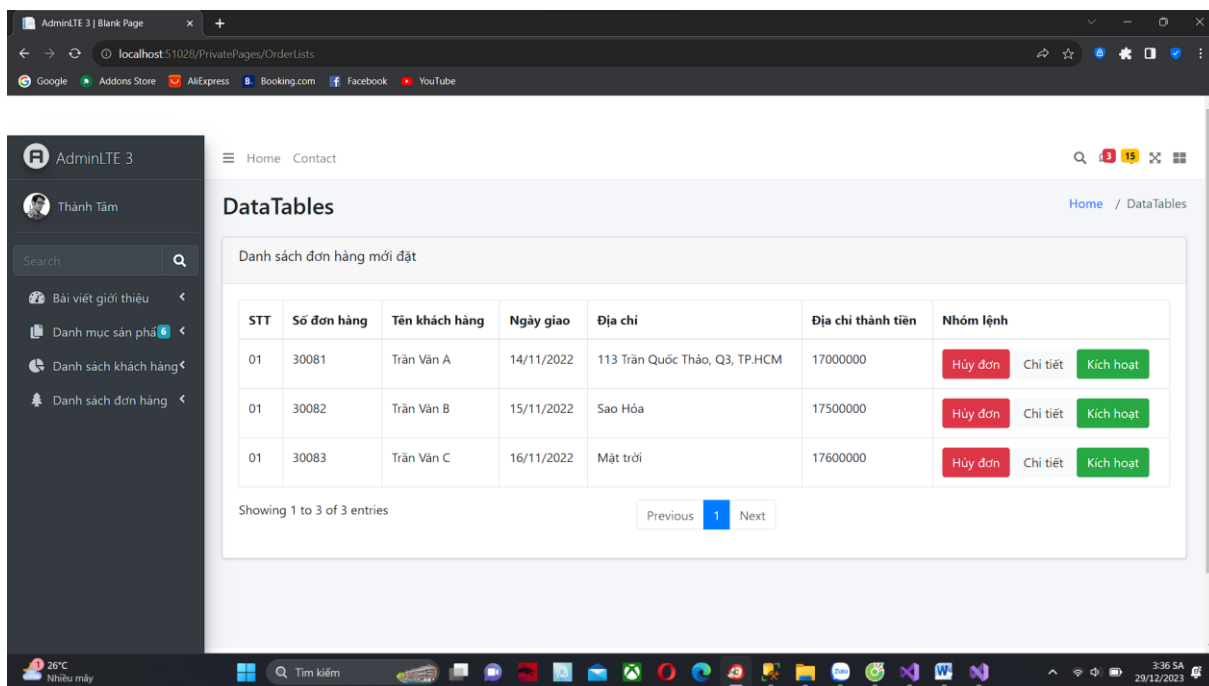


Hình 4.10: Giao diện thanh toán

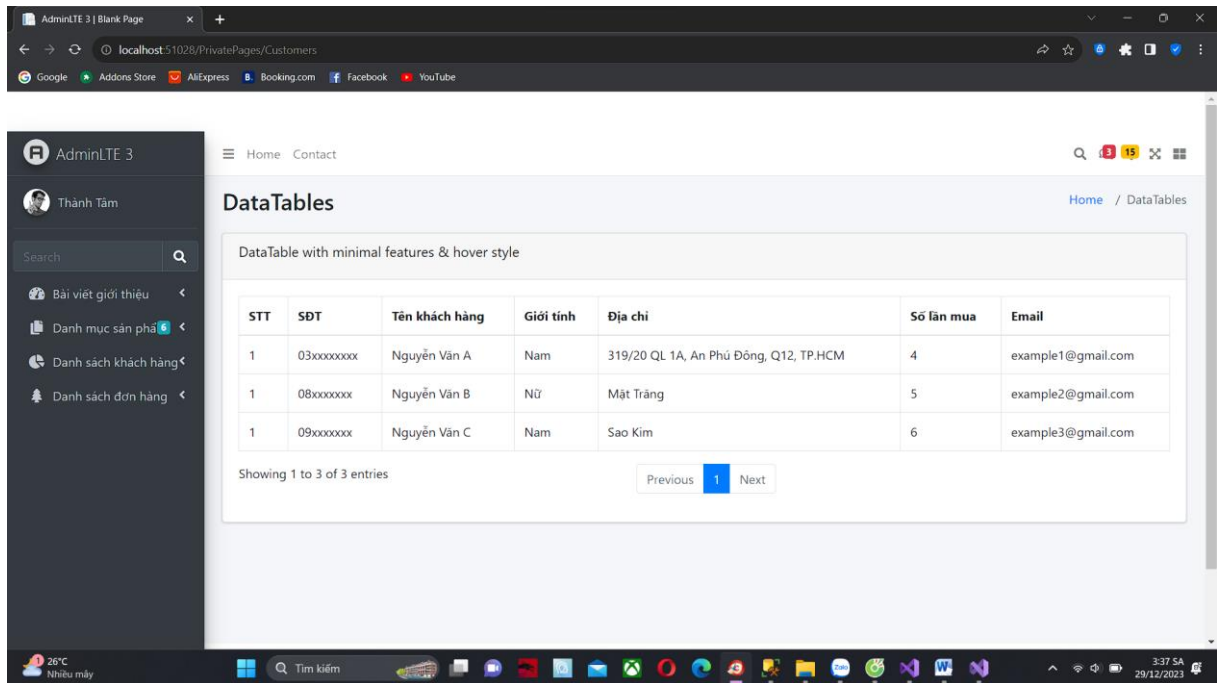
4.2.2. Thiết kế giao diện và chức năng trang quản trị



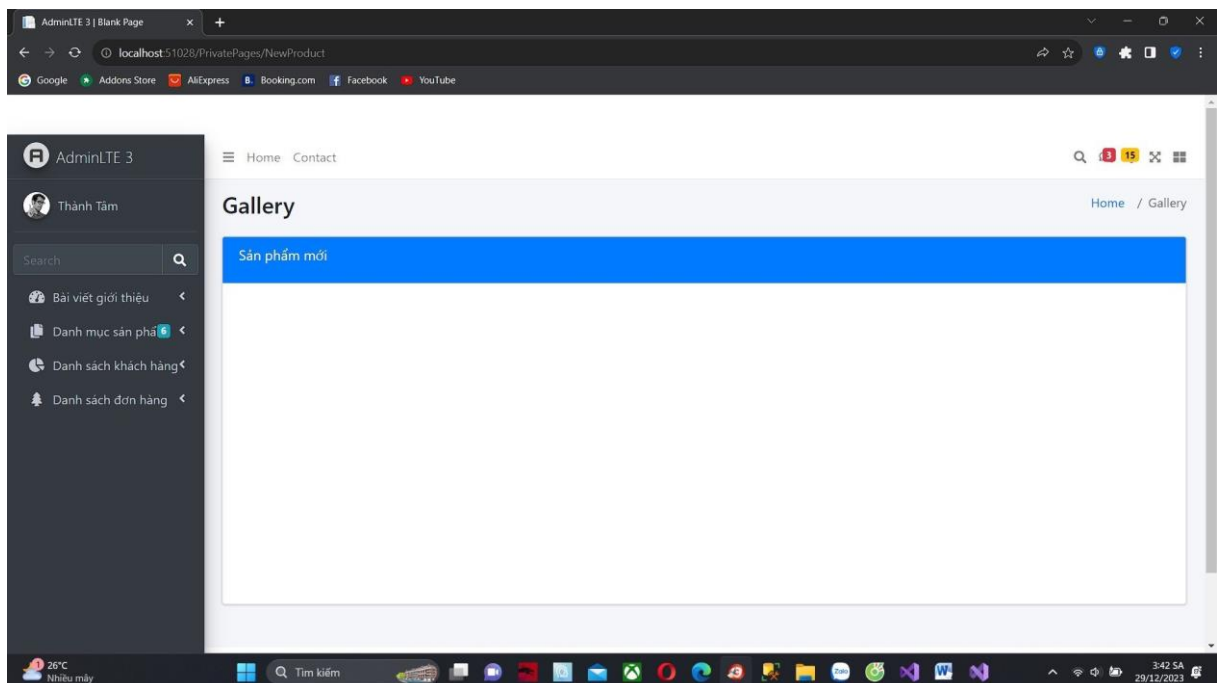
Hình 4.11: Giao diện thể hiện trang đăng bài viết mới



Hình 4.12: Giao diện thể hiện danh sách đơn hàng



Hình 4.13: Giao diện thể hiện danh sách khách hàng



Hình 4.14: Giao diện thể hiện danh sách sản phẩm mới

KẾT LUẬN

Kết quả đạt được

- Xây dựng thành công website cửa hàng thời trang nam
- Giao diện website được thiết kế hiện đại đơn giản cho trải nghiệm người dùng. Các chức năng phổ biến như tìm kiếm sản phẩm, thêm vào giỏ hàng và thanh toán tạo điều kiện người dùng dễ dàng thao tác từ lúc chọn sản phẩm đến hoàn tất đơn hàng.
- Hệ thống đã hoàn thành chức năng quản lý sản phẩm, đơn hàng và khách hàng với các chức năng như thêm, sửa, xóa.

Kết quả chưa đạt được

- Chưa tích hợp kịp chức năng thanh toán trực tuyến.
- Phản hồi từ người dùng bằng bình luận, đánh giá

Hướng phát triển

- Tích hợp hệ thống gợi ý sản phẩm thông minh dựa trên hành vi mua sắm của khách hàng
- Tích hợp chatbot tư vấn mua sắm sản phẩm cho khách hàng
- Phát triển tính năng khách hàng thân thiết.

Em hy vọng những cải tiến và phát triển trong tương lai sẽ giúp hệ thống website cửa hàng thời trang nam ngày càng hoàn thiện và hữu ích cho người dùng hơn.

Mặc dù đã rất nỗ lực, nhưng với kiến thức và thời gian còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, em tự nhận thức được rằng còn rất nhiều điều em cần phải học hỏi thêm. Em rất mong nhận được sự cảm thông, nhận xét và đánh giá từ các quý thầy/cô để bài của em được hoàn thiện hơn nữa. Em xin chân thành cảm ơn ạ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Khoa CNTT, 2023, Bài giảng môn học Thiết kế web, ĐH Nguyễn Tất Thành, Tp.HCM.
- [2]. Khoa CNTT, 2023, Bài giảng môn học Lập trình web, ĐH Nguyễn Tất Thành, Tp.HCM.
- [3] Giao diện sử dụng cho website được tham khảo từ website <https://mandofashion.vn/>
- [4] Hình ảnh sử dụng cho website được sưu tầm từ website <https://mandofashion.vn/>
- [5] Bài báo cáo được tham khảo từ website <https://fr.slideshare.net/slideshow/bo-co-qun-l-d-n-phn-mm-ptit/249527631>
- [7] Các hình ảnh được sưu tầm từ Google <https://www.google.com/>
- [8]https://app.diagrams.net/#G1Sa8dz730CahtKK9ae1_RVLFZJa_vLn3l#%7B%22pageId%22%3A%22XBTMs5IusGGfea6GlrD4%22%7D

PHỤ LỤC CODE

Link source code:

<https://github.com/ThanhTam-dvl/Website-MandoFashion>